

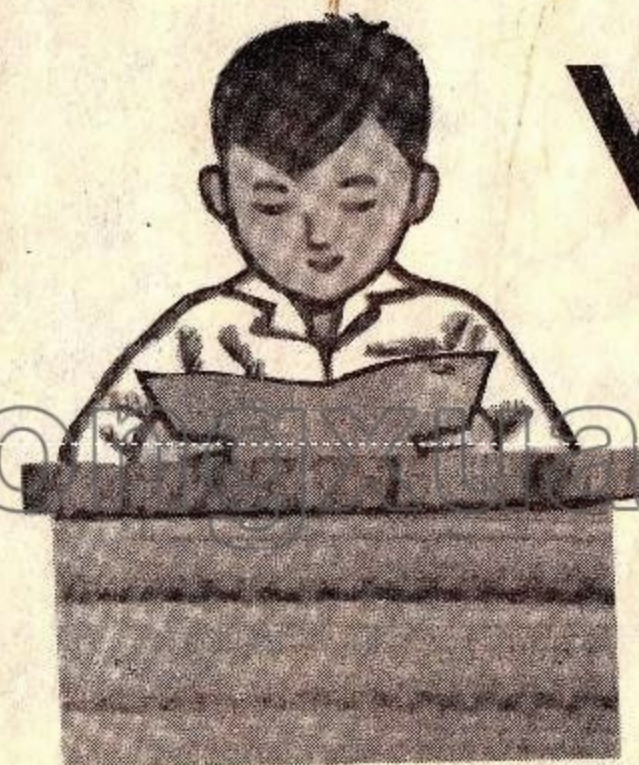
HỌC VĂN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG 1976

<https://tieulun.hopto.org>

Học văn

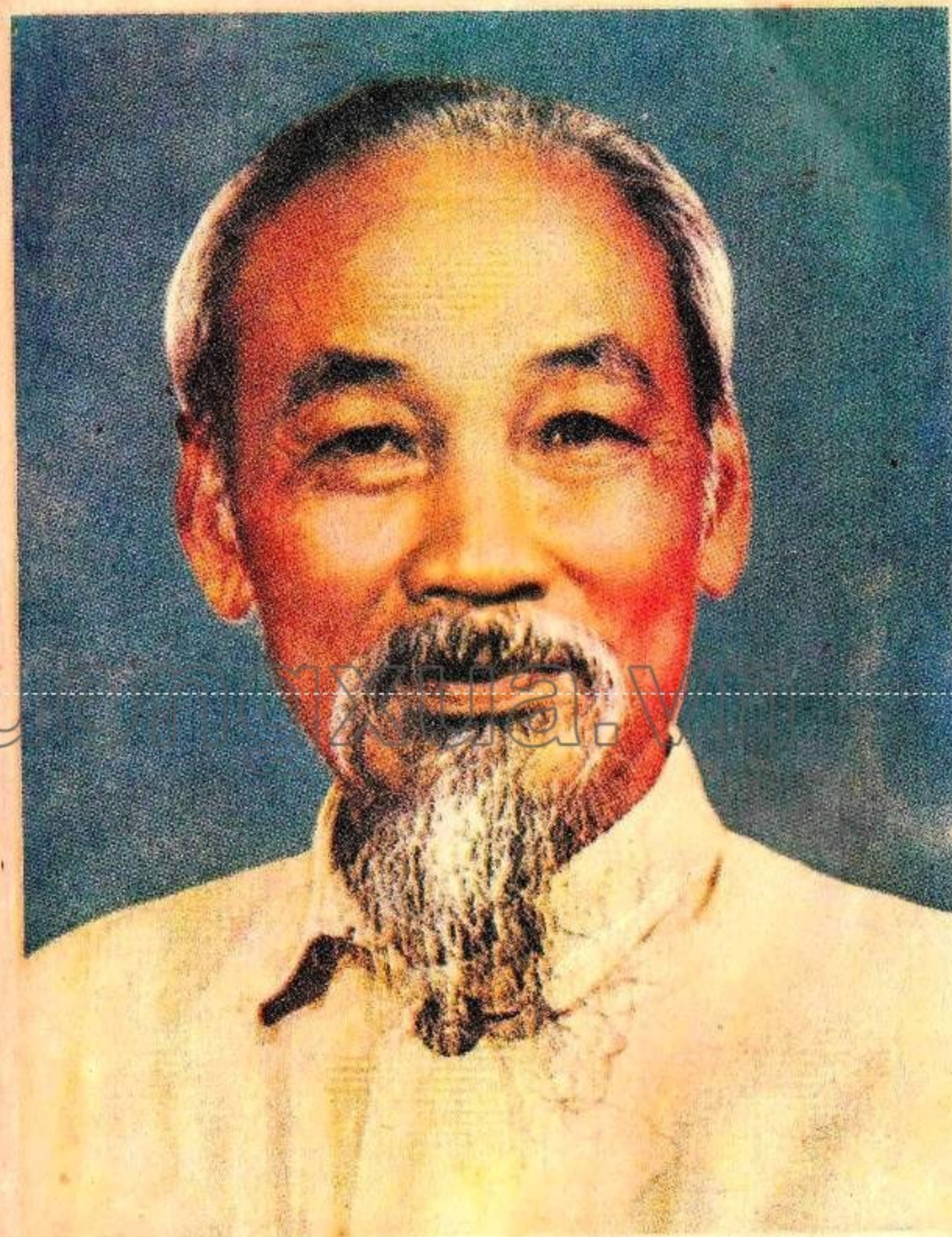


nhà xuất bản giáo dục giải phóng
* 1976

<https://tieulun.hopto.org>

Học
này

thuongmaitr

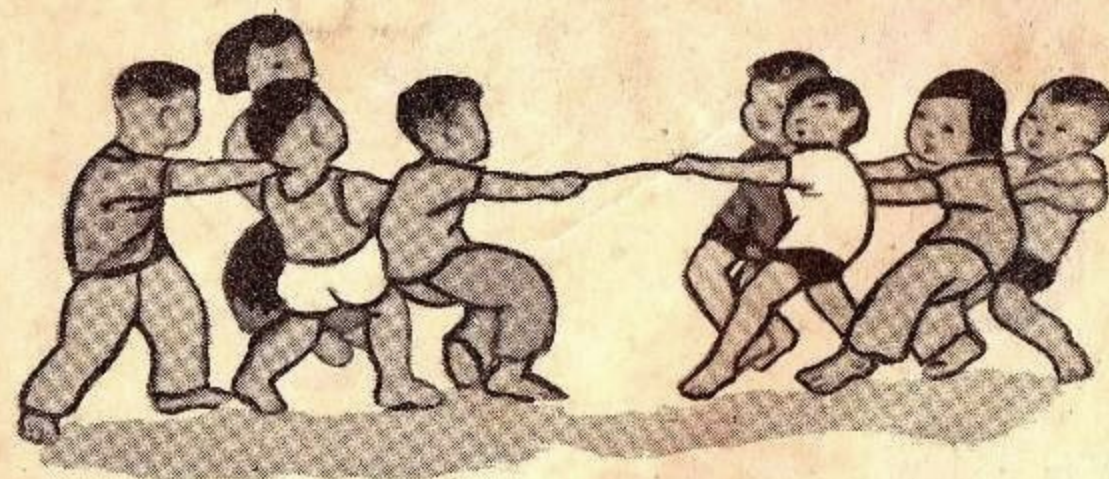


BÁC HỒ,

O C
O C

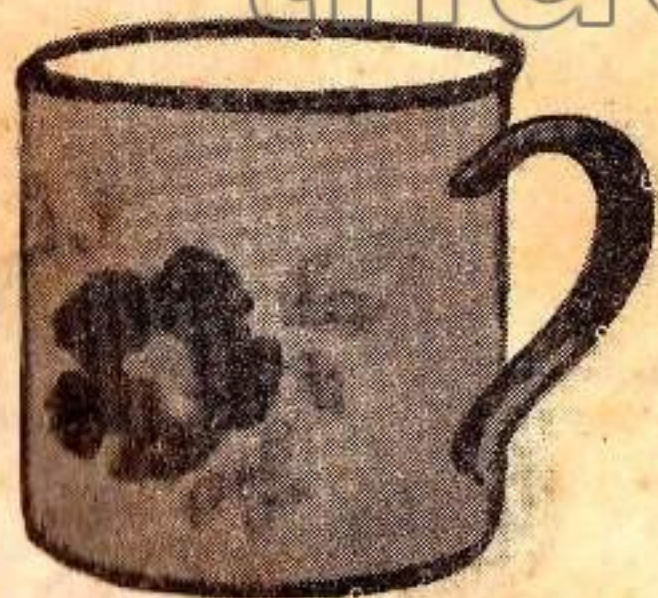


thuongmaitruongxua.vn



a

a

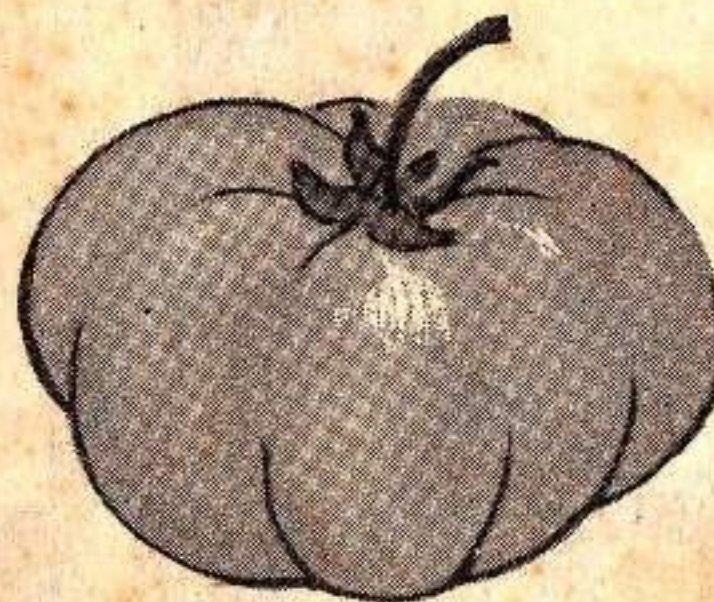


cà

a

ơ

c



cà



cá

ơ

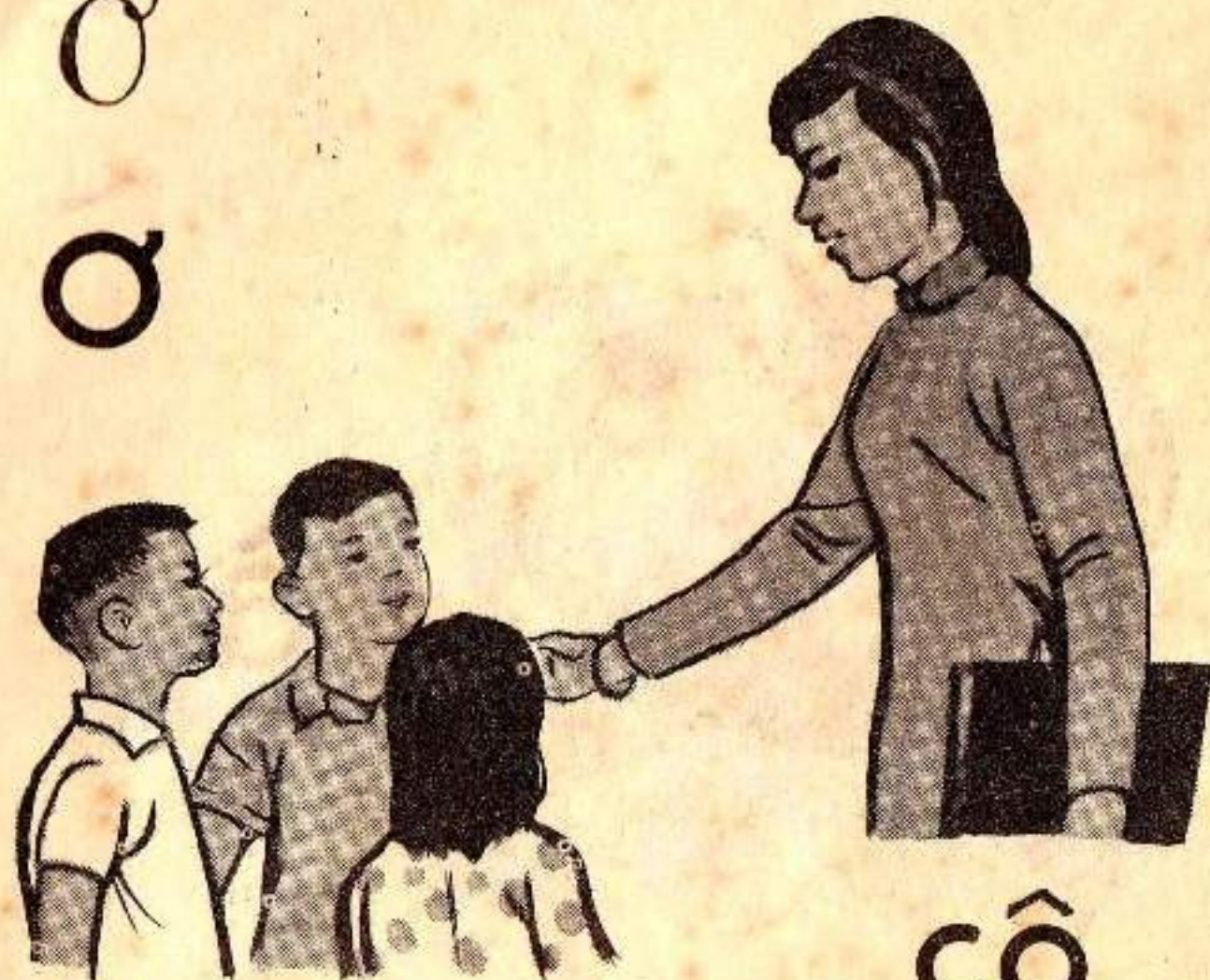
a

c

- ca -

cơ

ô ơ
ô ơ



cô



cờ

ơ ô ơ - cà - cá

d đ
d đ

da



đo



d đ c - cô có cờ

n m
n m

ná



mo

n m - da - đơ

ơ c a ô ơ \
đ đ n m /

cô có cò

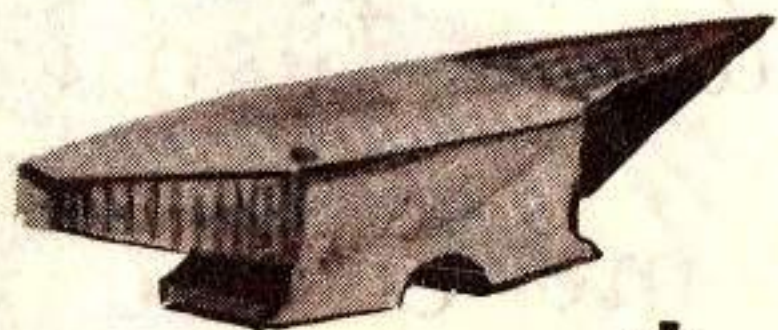
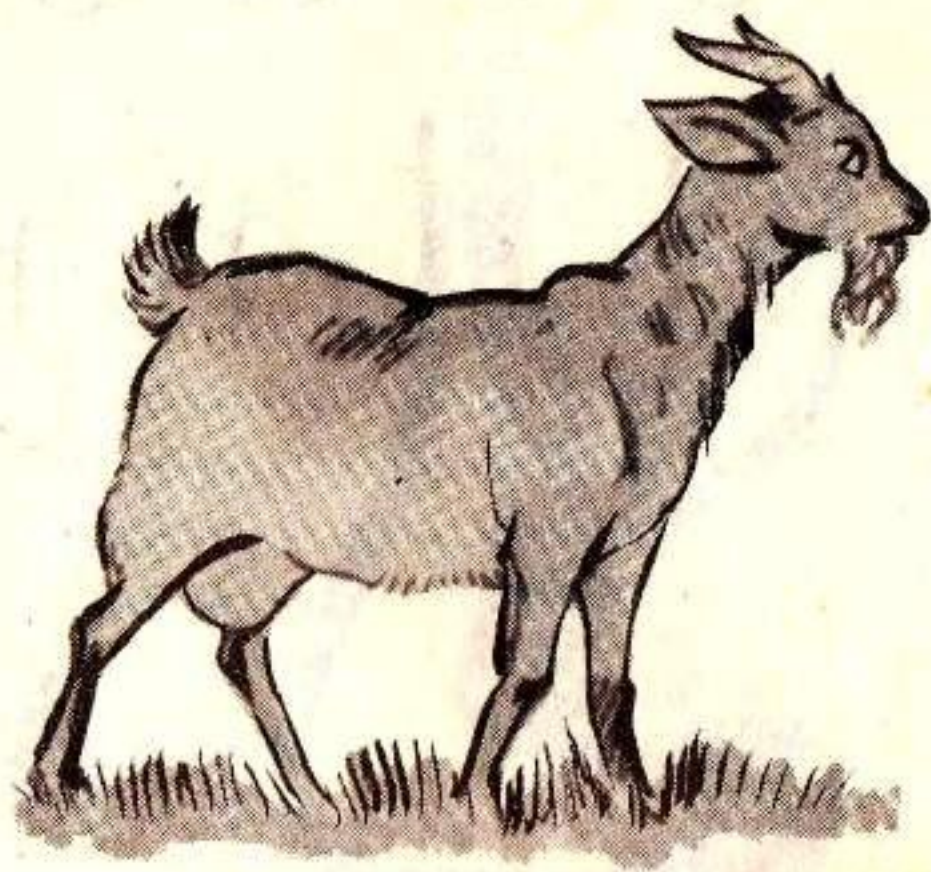
má có đồ da.

cô mơ có nò cá.

e ê

e ê

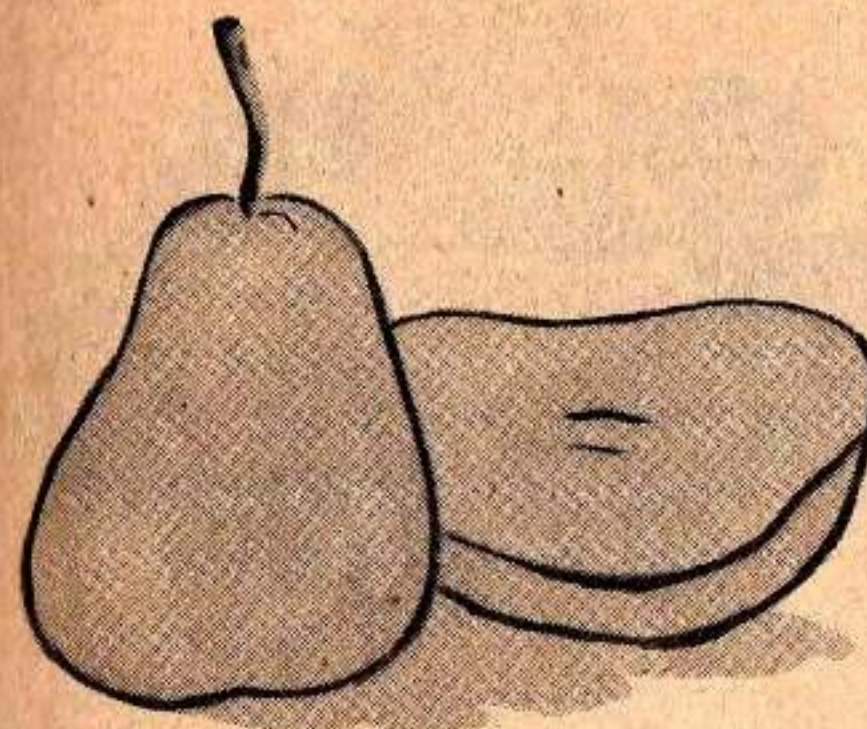
dê



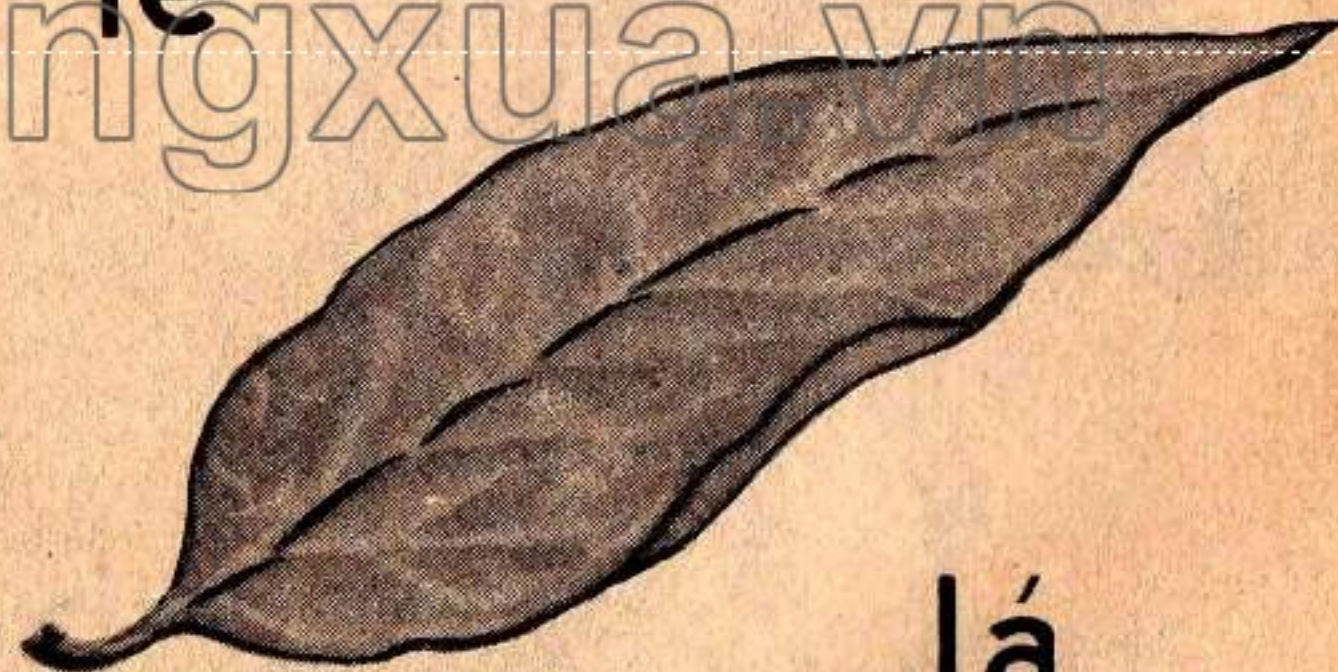
đe

e ê n m d đ - ná - mo

l l



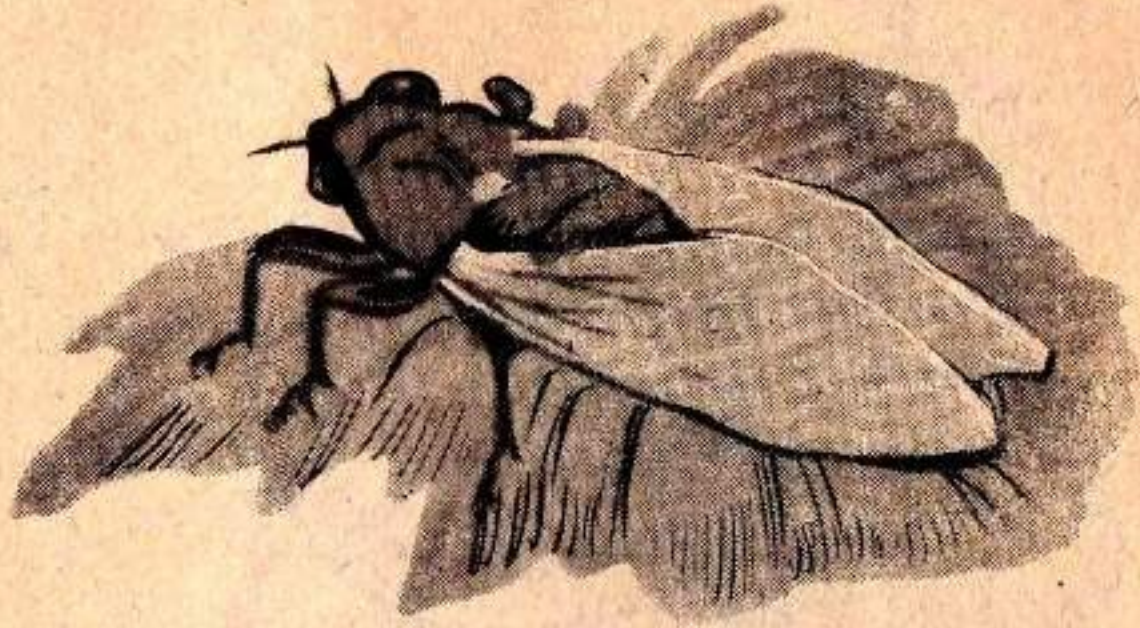
lê



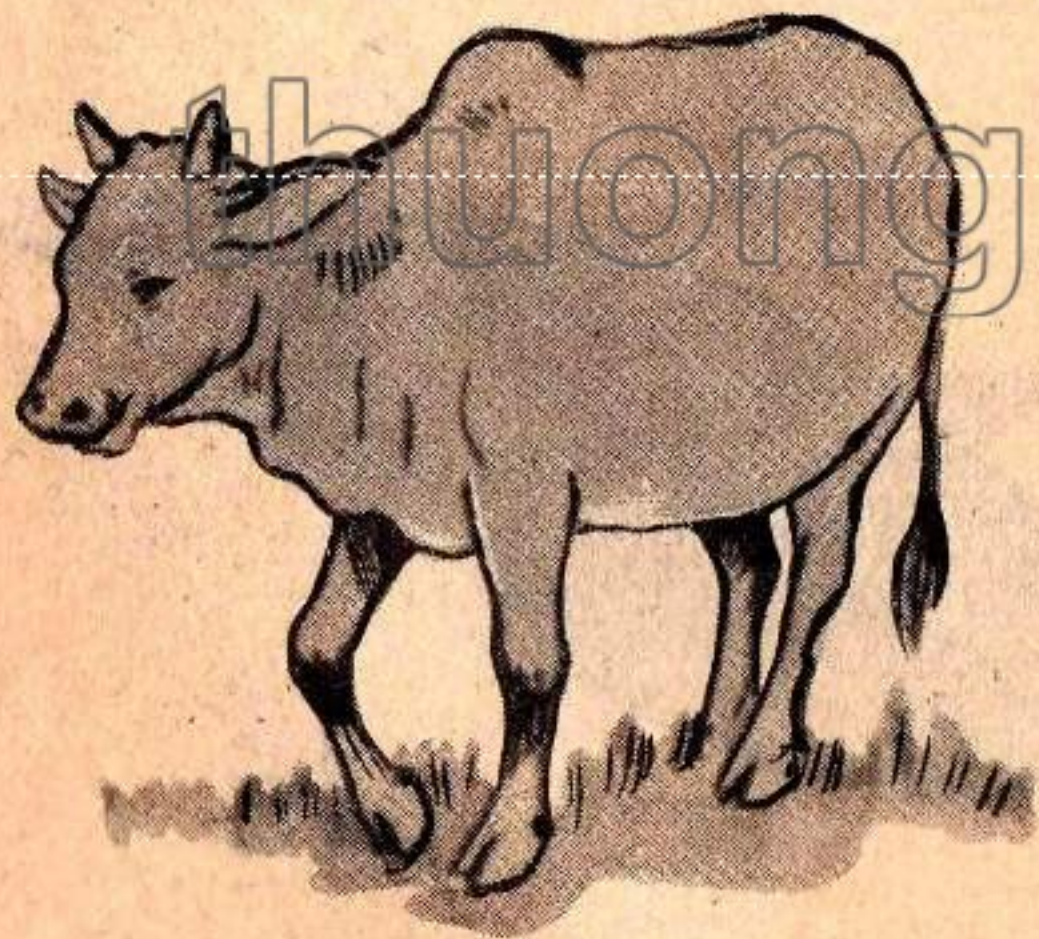
lá

e ê l d đ - dê - đe

b v
b v

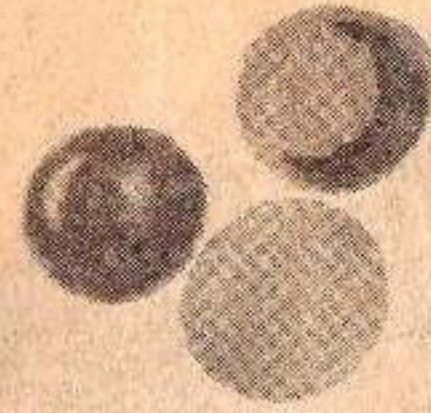


ve



bò

b v l e ê - lê - lá - da



bi

i t
i t



ô tô

t i l v b - ve - bò

• ? ~



mỏ



mạ

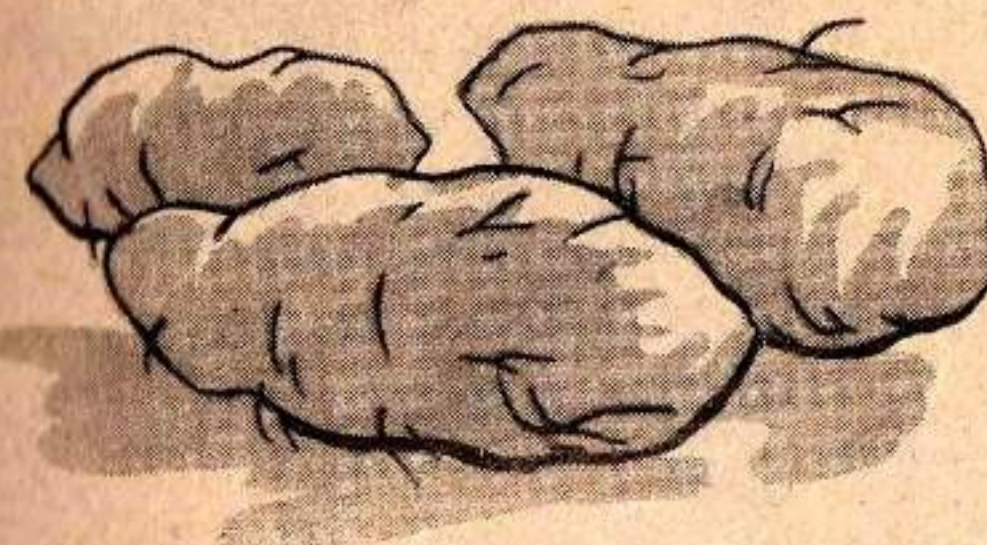


mỗ

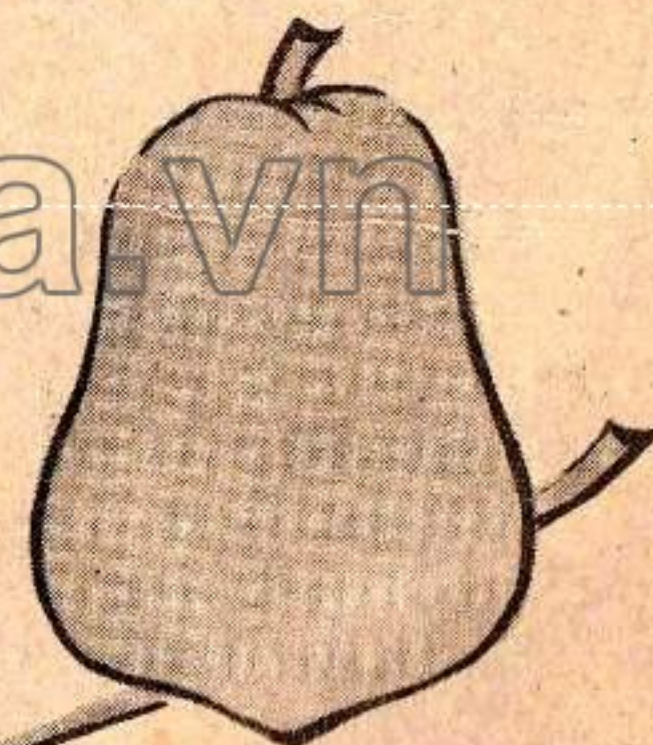
m n l t i - bi - ô tô

u ư

u ư



củ từ



đu đủ



u ù ú ụ ủ ữ

e ê l b v	•
i t u u	? ~

lô me dẻ bẻ

tú đi ô tô

bà lư và cô du

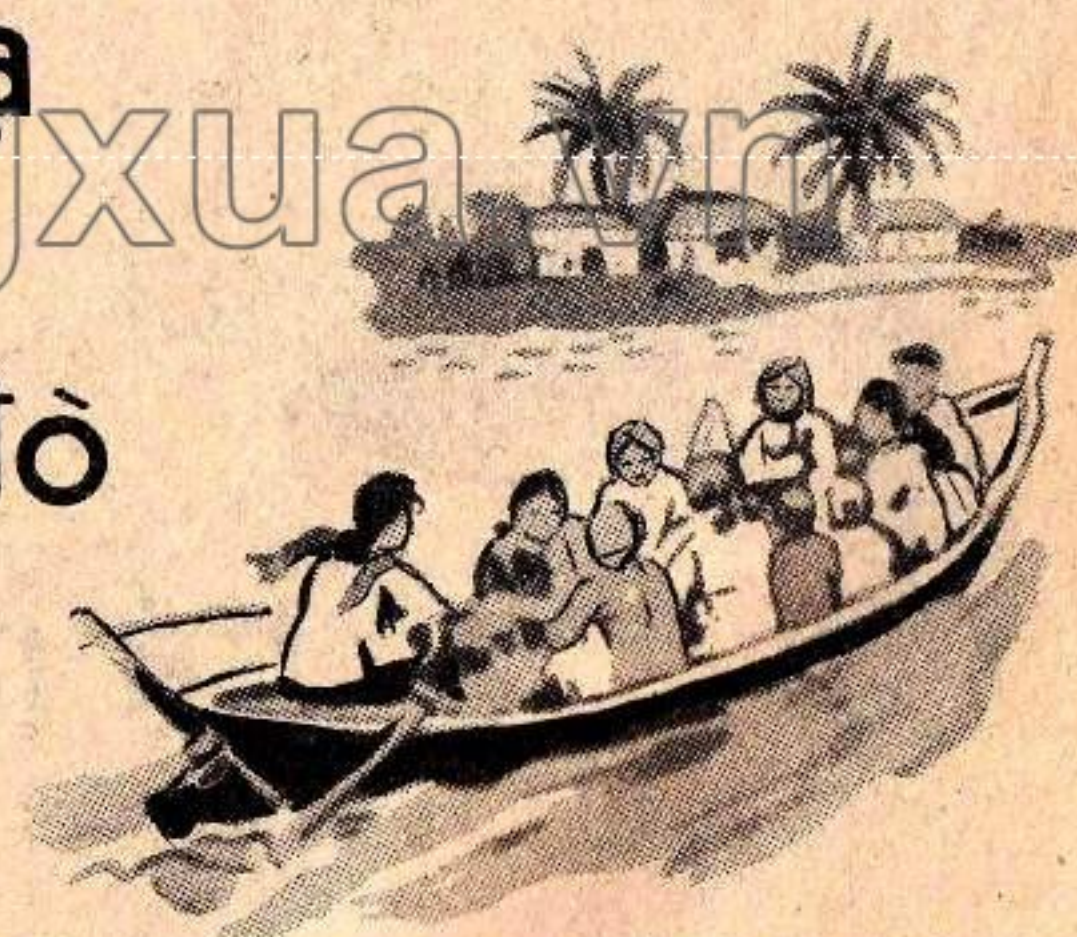
đã về



q qu
q qu

qua

qua đò



q qu u ư ứ ự ử ữ

ư ư

rổ cà



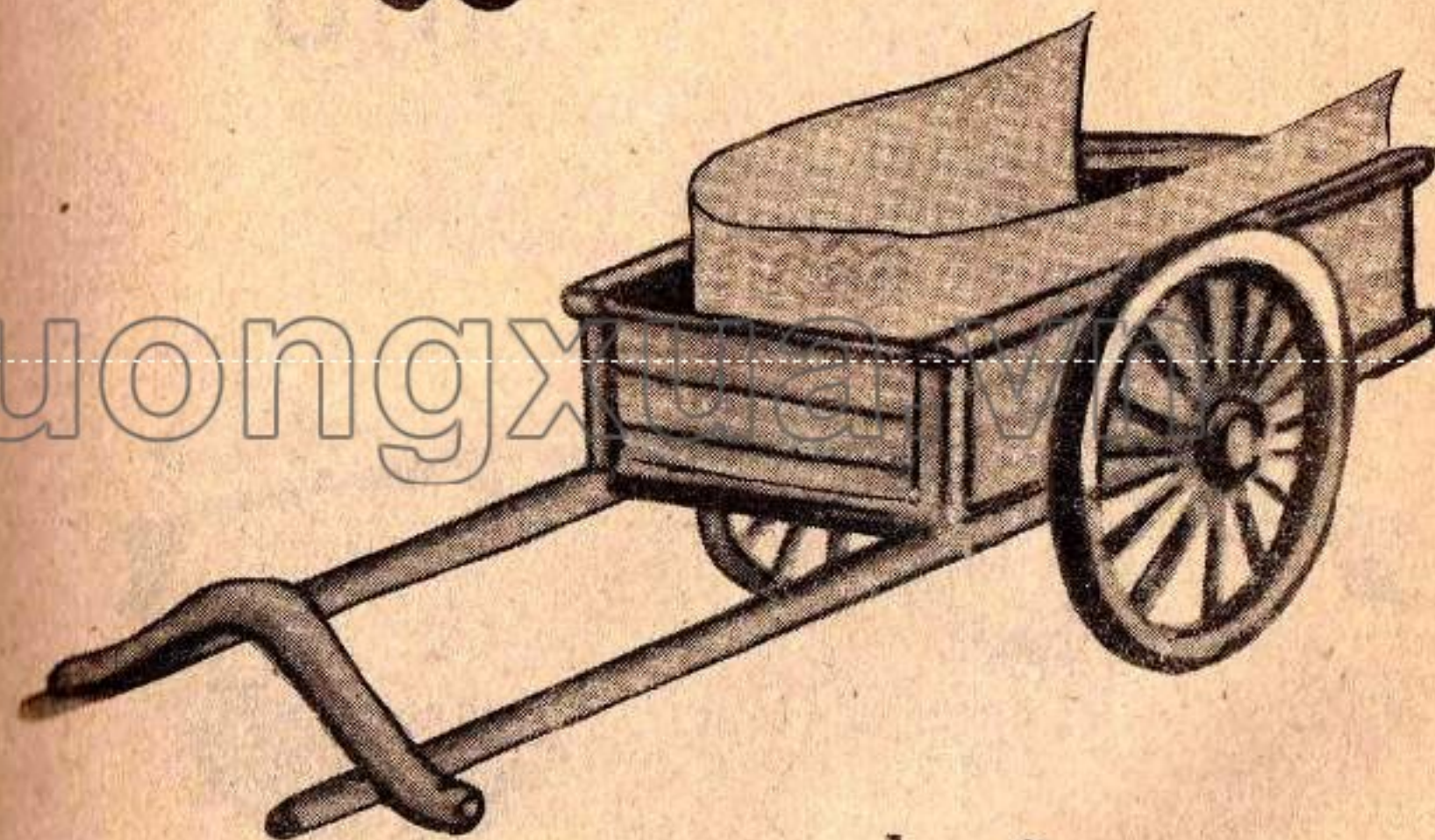
cá rô

ư q qu - qua - củ từ



sẻ

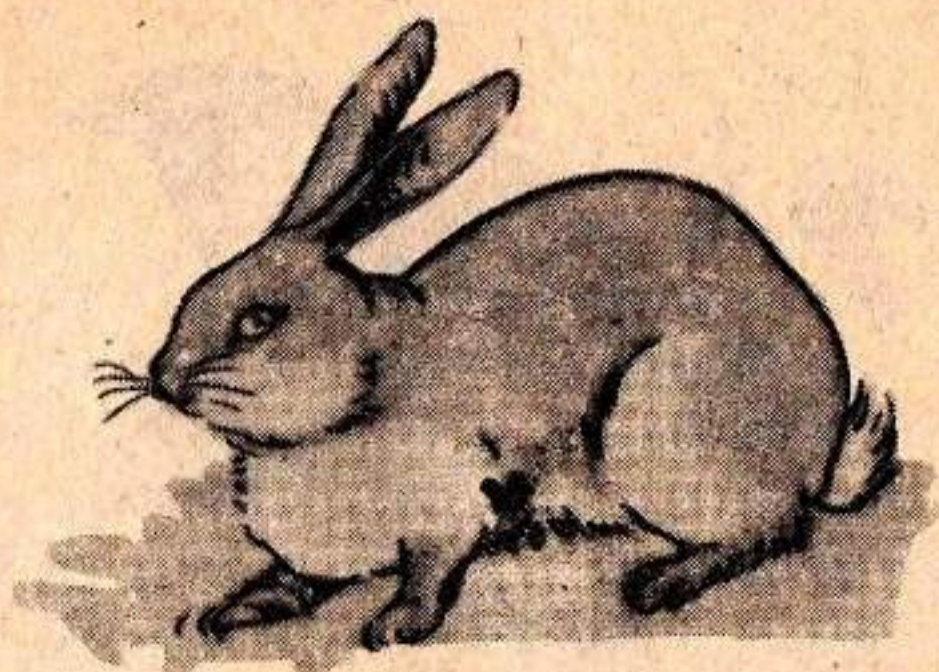
s x
s x



xe bò

x s ư q - cá rô - qua đò

h th
h th



thỏ



hồ

h th s x - se sẽ - xe - rõ

q qu r

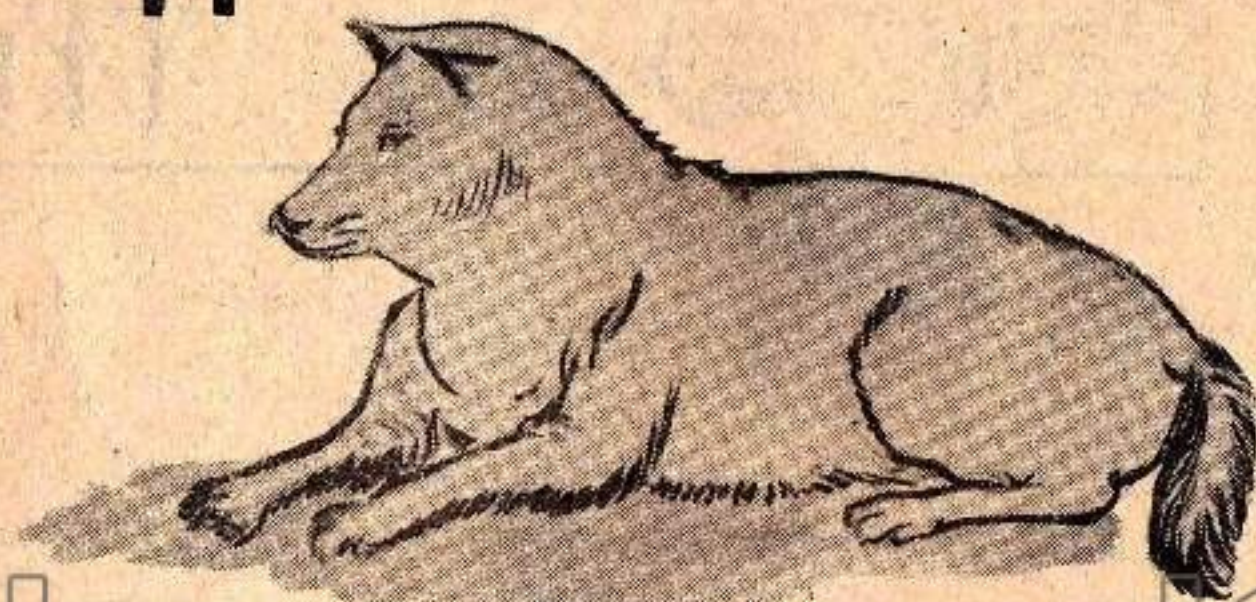
x s h th

thu đi xe ra hồ.

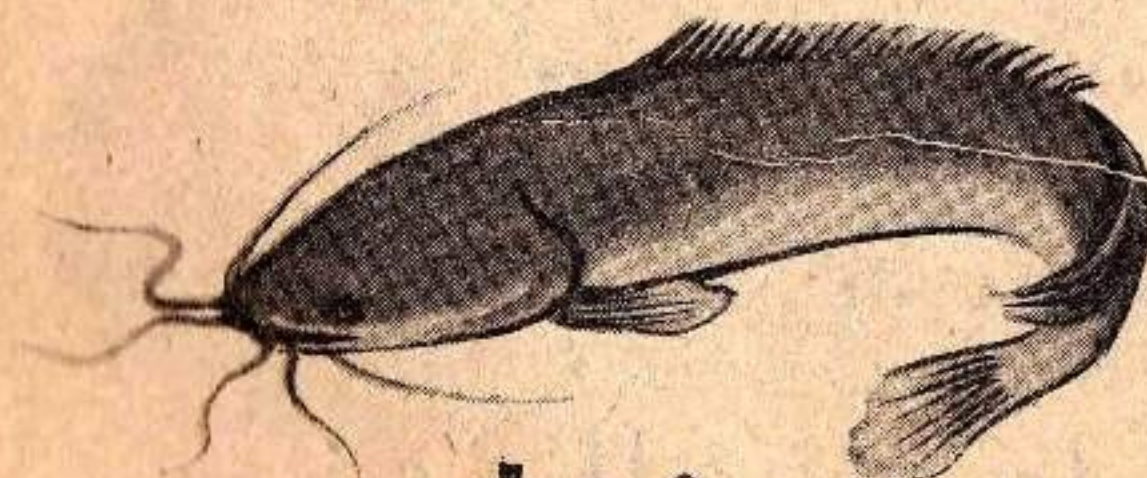
qua rừ se sẽ qua đò.

quê ta có hồ thả cá.

ch tr
ch tr



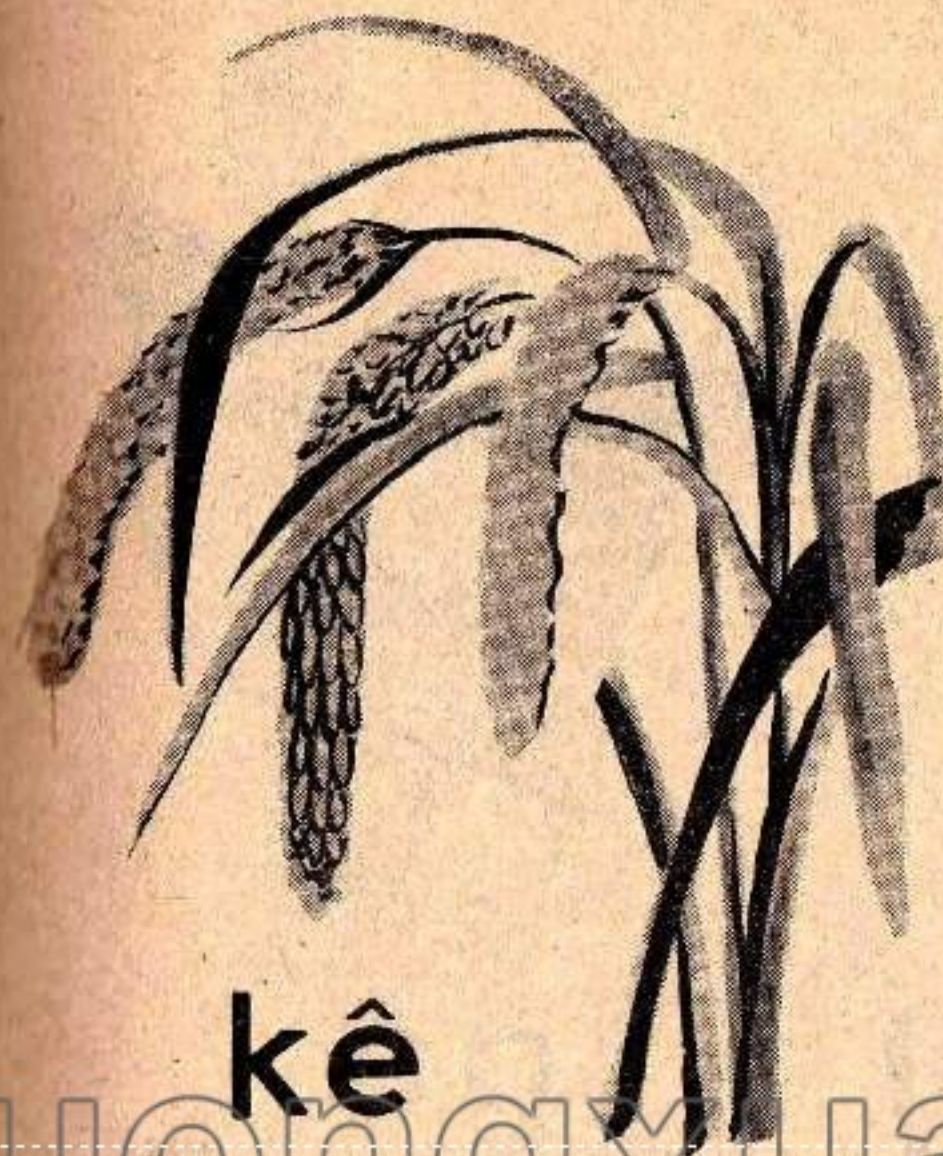
chó



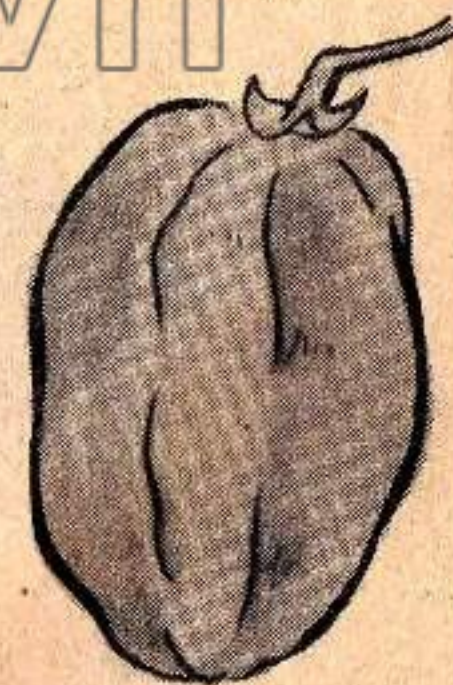
trê

h ch tr th - thỏ - hồ

k kh
k kh



kê

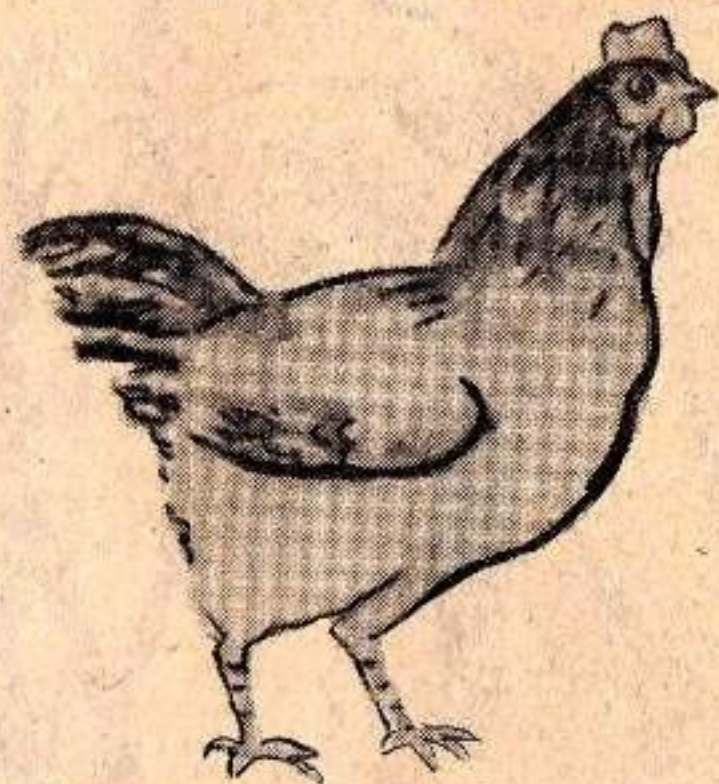


khế

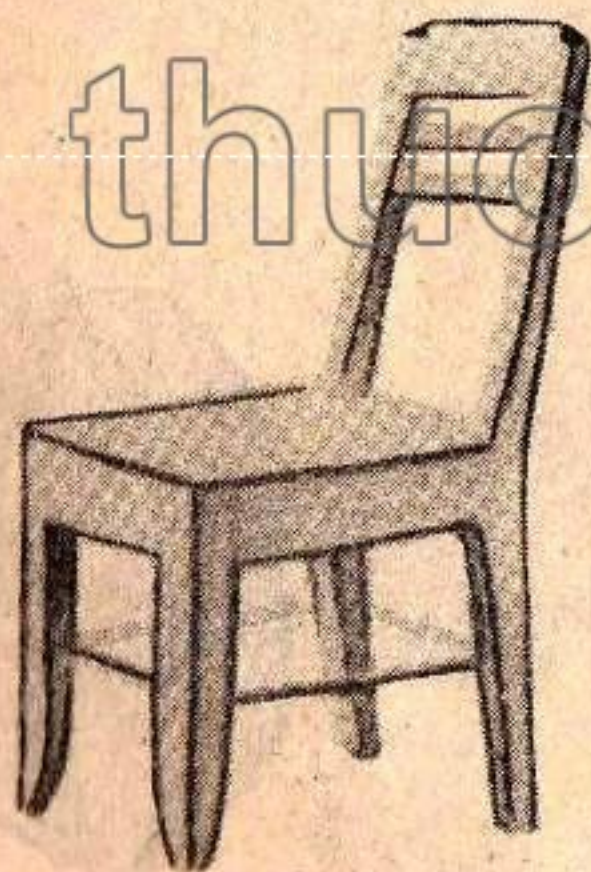
k kh tr ch - trê - chó

g gh

g gh

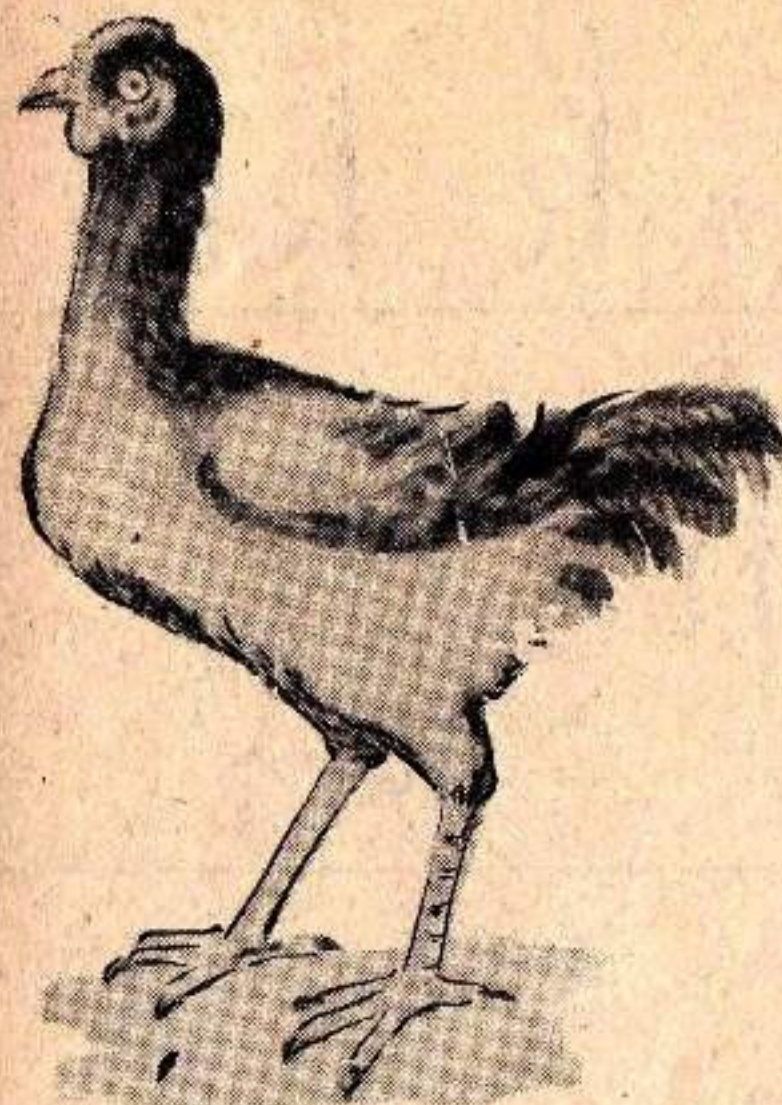


gà



ghế

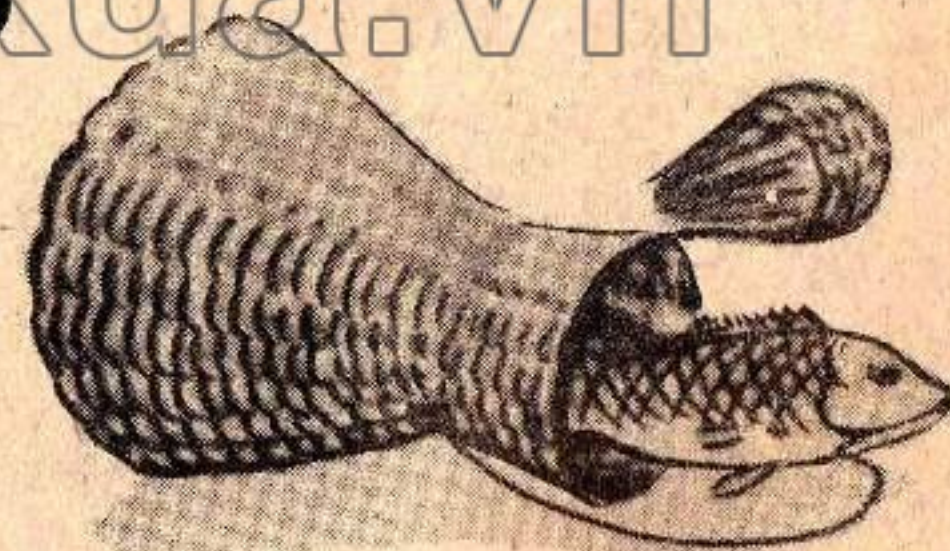
h g gh k kh - kê - khế



gi

gi

gà giò



giỏ cá

k kh g gh gi - gà - ghế

ch tr k kh

g gh gi

xe bò chở tre
chị kì có gà giò
cô có kê và khế
bà trả ghế gỗ cho mẹ.

ng ngh

ng ngh



bé ngủ

nghe



ng ngh gi - giò - gà giò

nh
nh



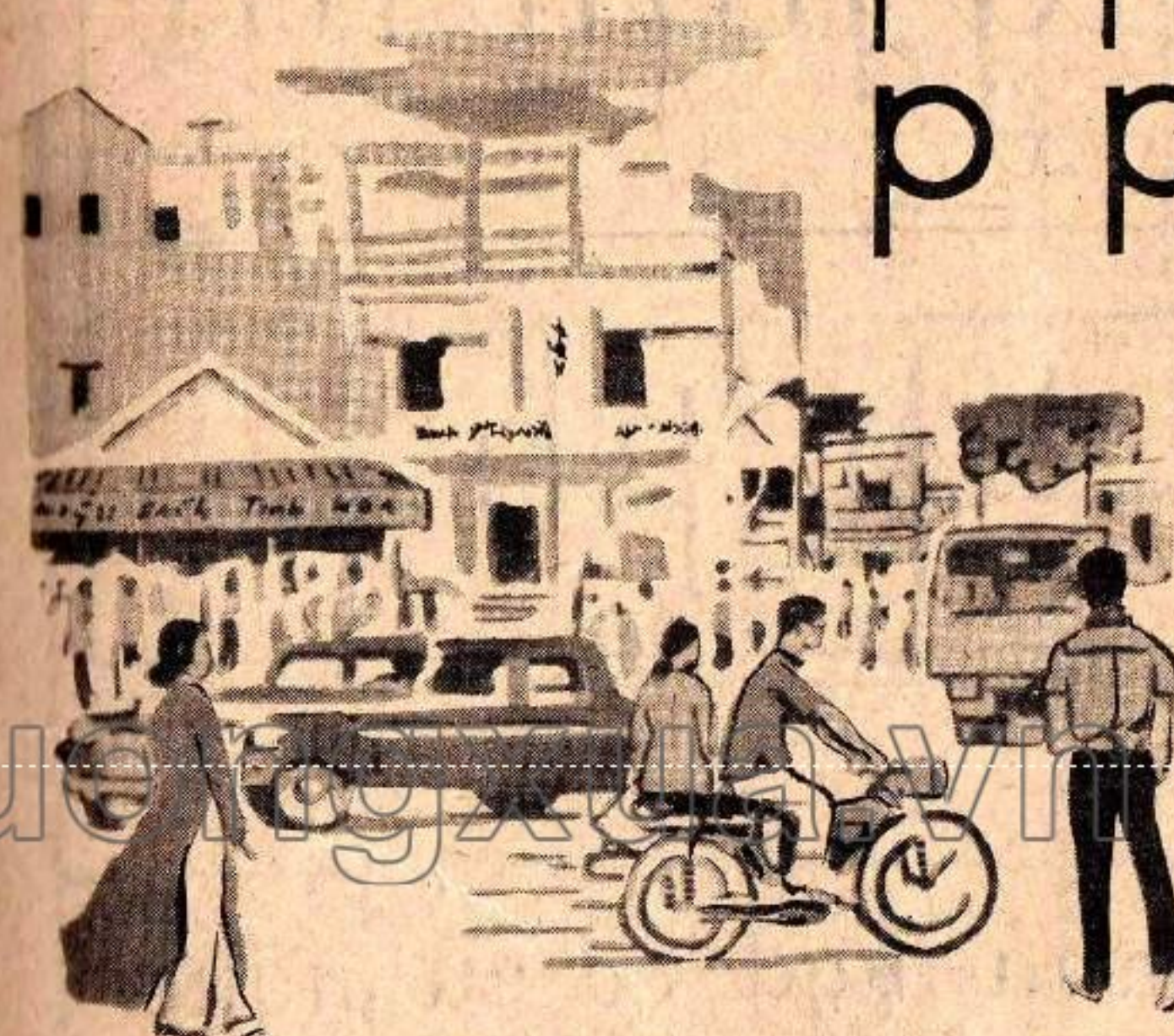
nhà lá



tư nhỏ cỏ

ng ngh nh - ghé - ngủ

p ph
p ph



phố có nhà to
ô tô qua phà

p ph nh - nhà - nhỏ cỏ

ng ngh nh
n ph

thuongmaitruongxua.vn

nhà nga cơ củ nghệ.
ở phố chợ có cà phê.
chị nghị che gió cho
bê và ghé.

a
e
ê
i
o
ô
ơ
u
ư

m
n
p
q
r
s
t
v
x

em



em nhỏ bú mẹ.

kem - xem - nem

êm - thêm



chị thêm có em nhỏ.

êm đêm

im - tìm



tư tìm kim cho bà.

đếm chim

om - lom khom



mẹ em lom khom nhổ mạ.

đom đóm

ôm - tôm



bà tư có rổ tôm.

giã cốm - ca nhôm

ơm - cơm



chị thêm và cơm cho em.

ôm rơm - nơm cá

um - chum



nhà tư có chum to.

túm túm

em êm im

om ôm ơm um

đêm qua em đi xem

phim.

chị sum ở nhà nom bé
thơm cho em.

en - sen



quê em có hồ sen.

kèn - qua đen

ên - hến



chú kim cho tư vỏ hến.

xóm trên - bến tre

in - chín



tư có chín vỏ hến.

thơm chín - nghe tin

on - ngon



cò trên ngon tre

chim non - con sên

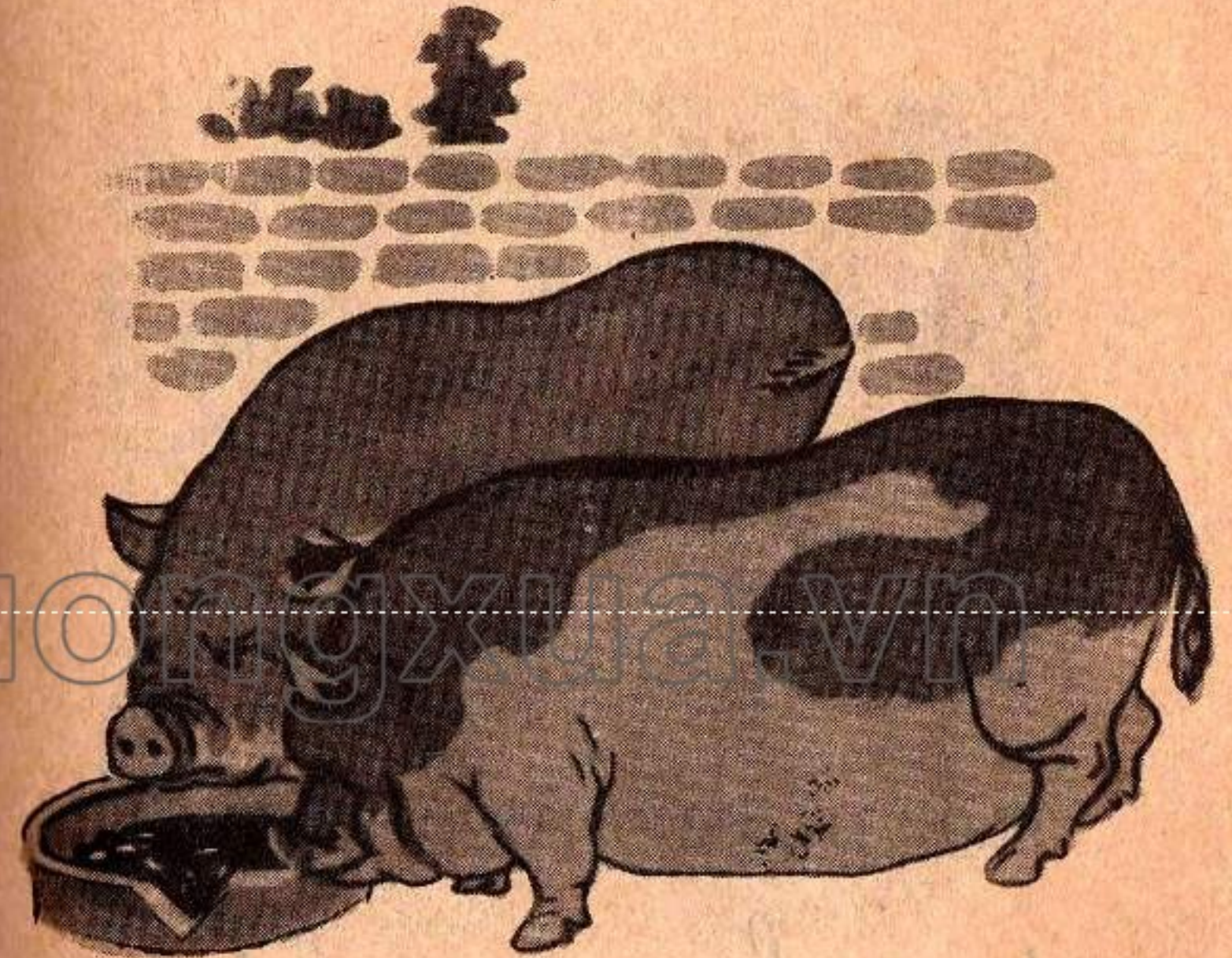
ôn - hôn



mẹ tư hôn em nhỏ.

bốn con tôm

ơn - đờn un - ủn



hai con lợn ủn ủn.

chợ lớn - gỗ mun

en ên in

on ôn ớn un

bốn con lợn con
ủn à ủn ỉn.
tư đi lon ton
nó mon men đến,
tư cho ngô chín,
nó mến tư ghê.

ai - hải

ơi - chơi



tư chơi bi với hải.

vải mới - sài gòn

oi - còi

ôi - thổi



tư thổi còi cho em nghe.

con voi - nồi xôi

ui - vui

ưi - ngủi



lãi mở nồi
ngủi mùi cơm thơm.

để trui - mũi để ngủi

ai ơi oi ôi

ui ưi

chị hai mới thổi nôi xôi,
mùi xôi chín ngửi thơm
quá.

má gói hai gói gửi cho
ba và em vui.

an - lan

am - cam



tư có cam,
tư cho lan bốn múi.

quả cam - cái bàn

ă ăn – chăn ăm – năm



chị thêm chăn năm con bò.
má năm cho bộ đội khăn rằn.

con tằm – chó săn

â ân – lân âm – tằm



lân cho gà con ăn tằm.
gà con mẩn lân.

quả mận – tằm ván

y ay - chạy ây - dây



em tân ngã,
tư chạy đến đỡ em tân dậy.

máy bay - nhảy dây

an am ăn ăm

ân âm ay ây

đàn ngan nằm ở sân,
tay tám cầm nắm tấm,
thấy tám ngan thôi nằm
chạy lại ăn hối hả.

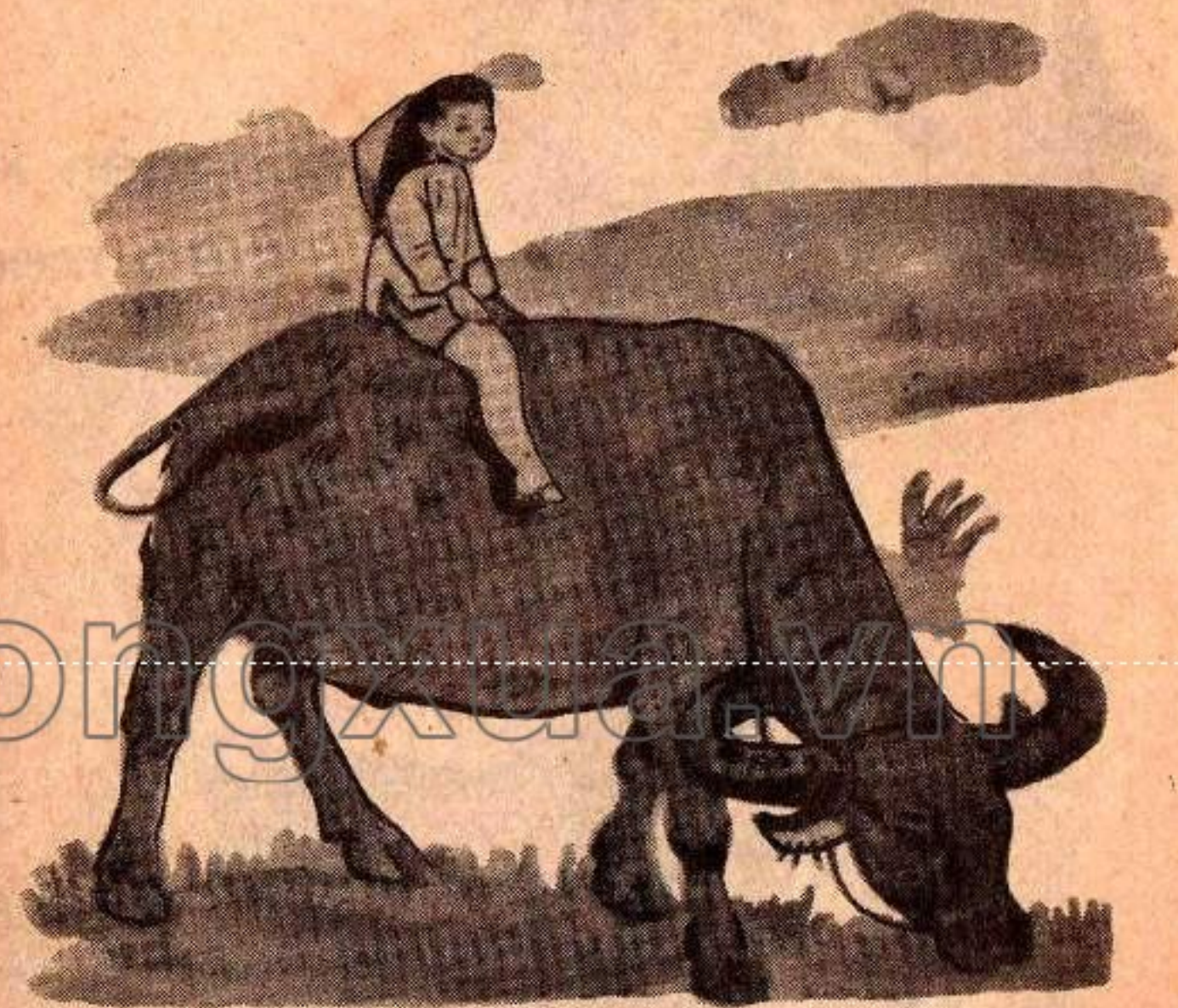
ao - cao au - sáu



cần lên bảy tư lên sáu,
cần cao hơn tư.

cây cao su - rau cải

âu - trâu



trâu ơi ta bảo trâu này,
trâu ăn no cỏ trâu cày với ta.

sáo sậu - nấu cháo

eo - mèo

êu - kêu



con mèo kêu
meo meo



con dê kêu be be

con sếu - kéo dây

oe - khoe

oa - khoa



tư khoe với khoa : mẹ tư
vừa may cho tư áo mới.

cái loa - kèn toe toe

ao	au	âu	
eo	êu	oe	oa

trên ngọn cau sáo đậu
 nghe mèo kêu meo meo.
 bên khóm hoa hòe nở.

ia - chia

iu - chiu



tự có kẹo, tự chia kẹo cho
 bạn chiu, bạn hòe và bạn lan.

chìa khóa - cái rìu

ua - rùa

ưà - vừa



rùa chạy thi với thỏ,
thỏ vừa chạy vừa chơi,
thỏ thua rùa.

quả dưa - me chua

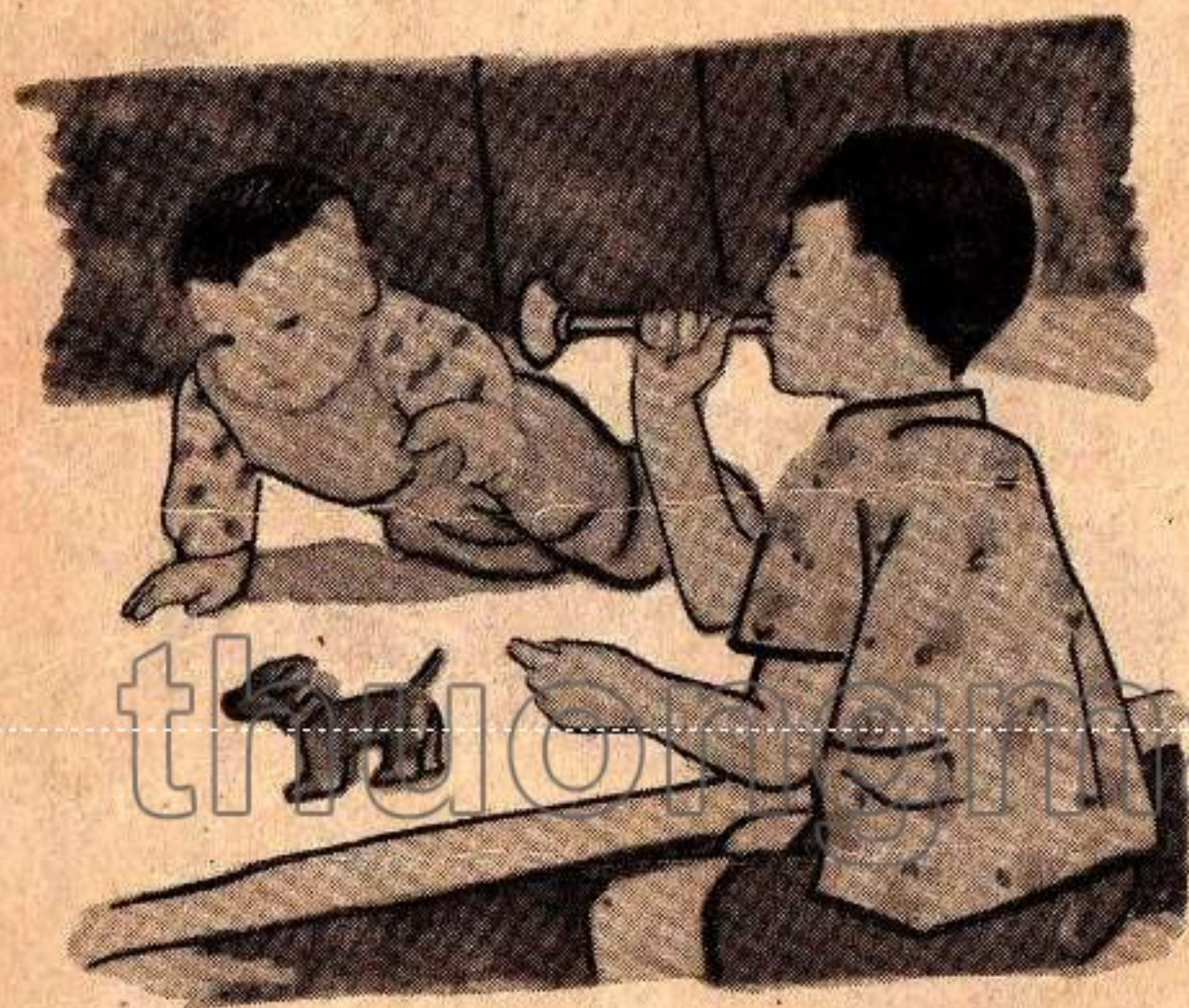
ang - càng ăng - cẳng



con cua tám cẳng hai càng,
chẳng đi thẳng lại bò ngang cả ngày.

bảng đen - măng non

âng - vâng



mẹ đi vắng.
tự vâng lời mẹ,
tự ở nhà chơi với em.

nâng đỡ - vâng lời

ia iu ua ưa

ang ăng âng

quê em có mía,
có lúa, có dừa,
năng trĩu chùm dừa
vàng trắng soi sáng.

ong-bóng ông-hồng



tư đá bóng với bạn hồng,
bạn lăng và bạn khang.

chong chóng - lông ngỗng

ung-súng ưng-mừng



chú kim cho tư cái súng gỗ,
tư mừng lắm. tư cảm ơn chú kim.

súng gỗ - siêng trâu

anh-xanh

inh-xinh



con chim xinh xinh
trên cành lá xanh,
nó tìm sâu bọ,
nó nhảy nhanh nhanh.

đóng đinh - bánh canh

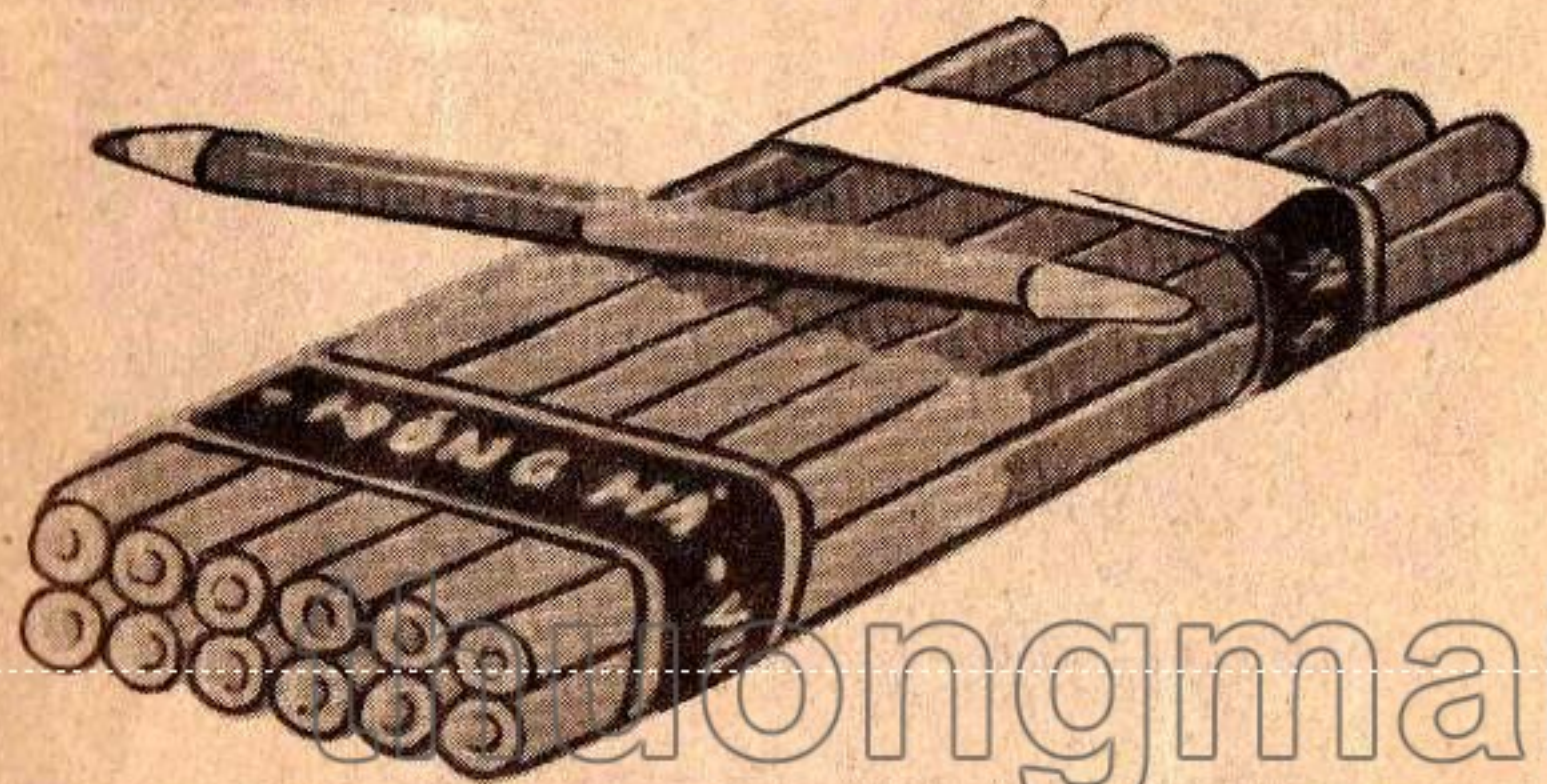
ênh-lênh kênh



cái gì cao lớn lênh kênh,
đứng mà không dựa, ngã
kênh ngay ra?

bèo trôi lênh bênh

ac-khác



*cái gì mà có hai đầu,
đầu xanh đầu đỏ hai màu
khác nhau?*

nhà gác - đồ rác

ăc-mặc

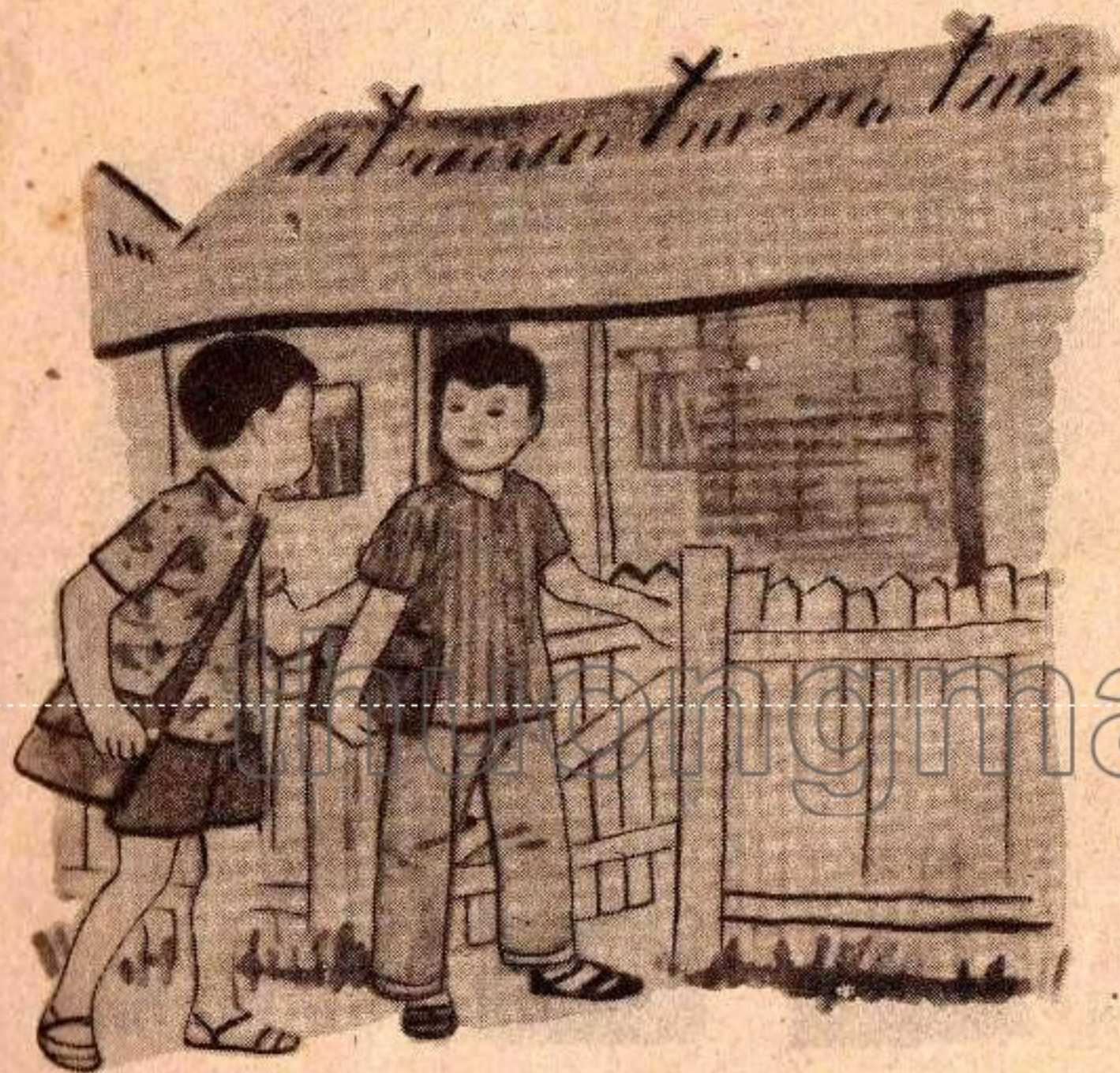
âc-bắc



gió bắc thổi,
trời trở lạnh,
em phải mặc áo ấm.

mặc áo-bắc đèn-bắc cầu

oc - học ôc - cốc



tư ở gần nhà bạn cốc,
tư rủ cốc cùng đi học.

chải tóc - móc câu - gốc lựu

uc - cúc ưc - ngực



cô giáo cúc dặn: "các em mặc áo
dùng để hở ngực để bị cảm lạnh".

khúc cá - mực xanh - tin tức

u ôc - thuộc ư ớc - đư ợc



tự học thuộc bài và làm thủ công
khéo, tự được cô giáo khen.

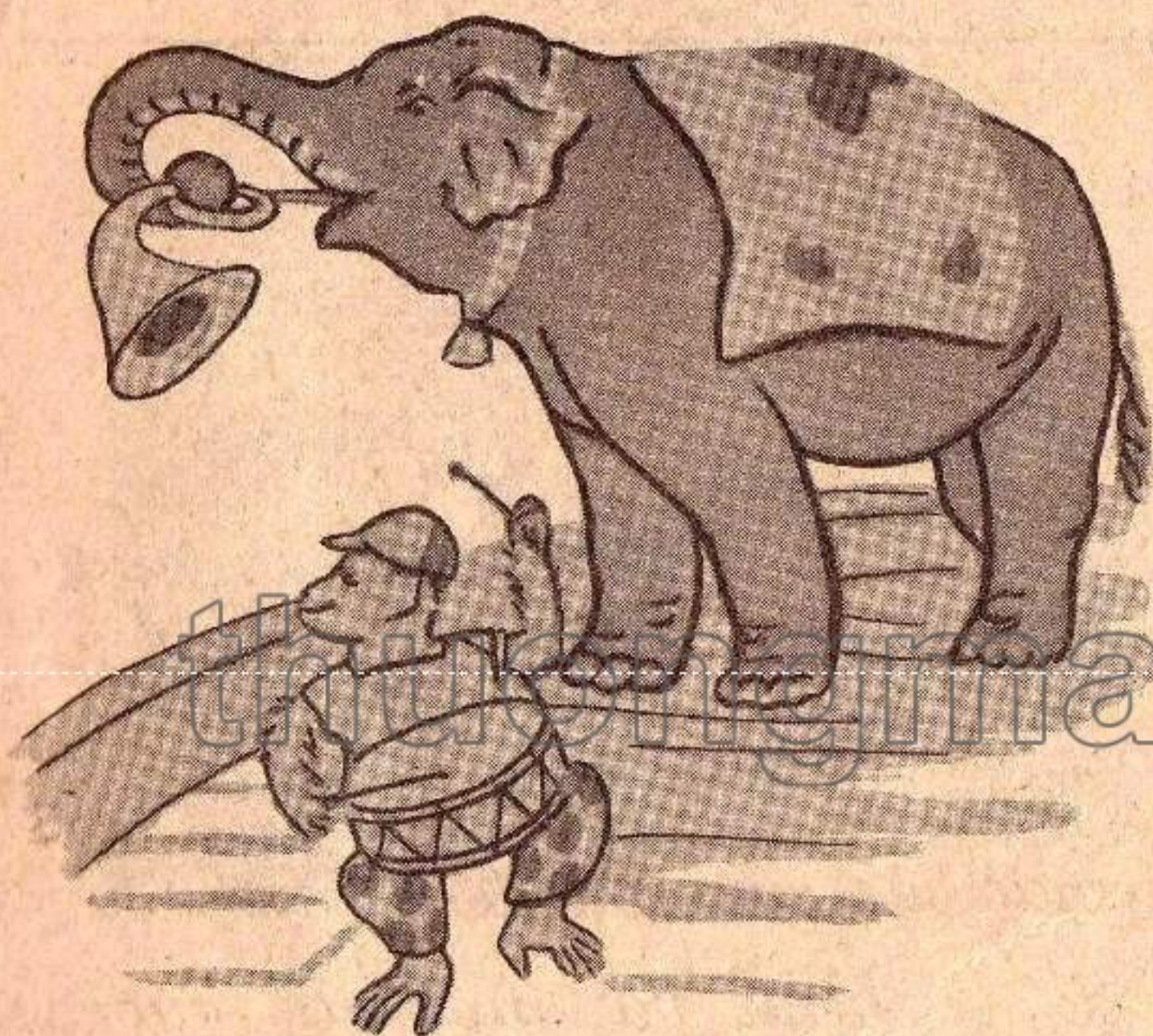
thuộc bác - thước đo

ac ăc âc oc ôc

uc ưc uôc ư ợc

cô giáo dặn :
khi gió bắc thổi, các em nhớ
mặc áo ấm, cài cúc cho kín
ngực, đi học phải mang quắc.
mai các em nhớ đem thước kẻ
để vẽ hình và một cái cuốc
con để vun gốc cho cây.

iêc - xiêc



tư coi xiêc thấy lắm trò tài quá
như voi thổi kèn, khỉ đánh trống.

chiếc quốc - xanh biếc

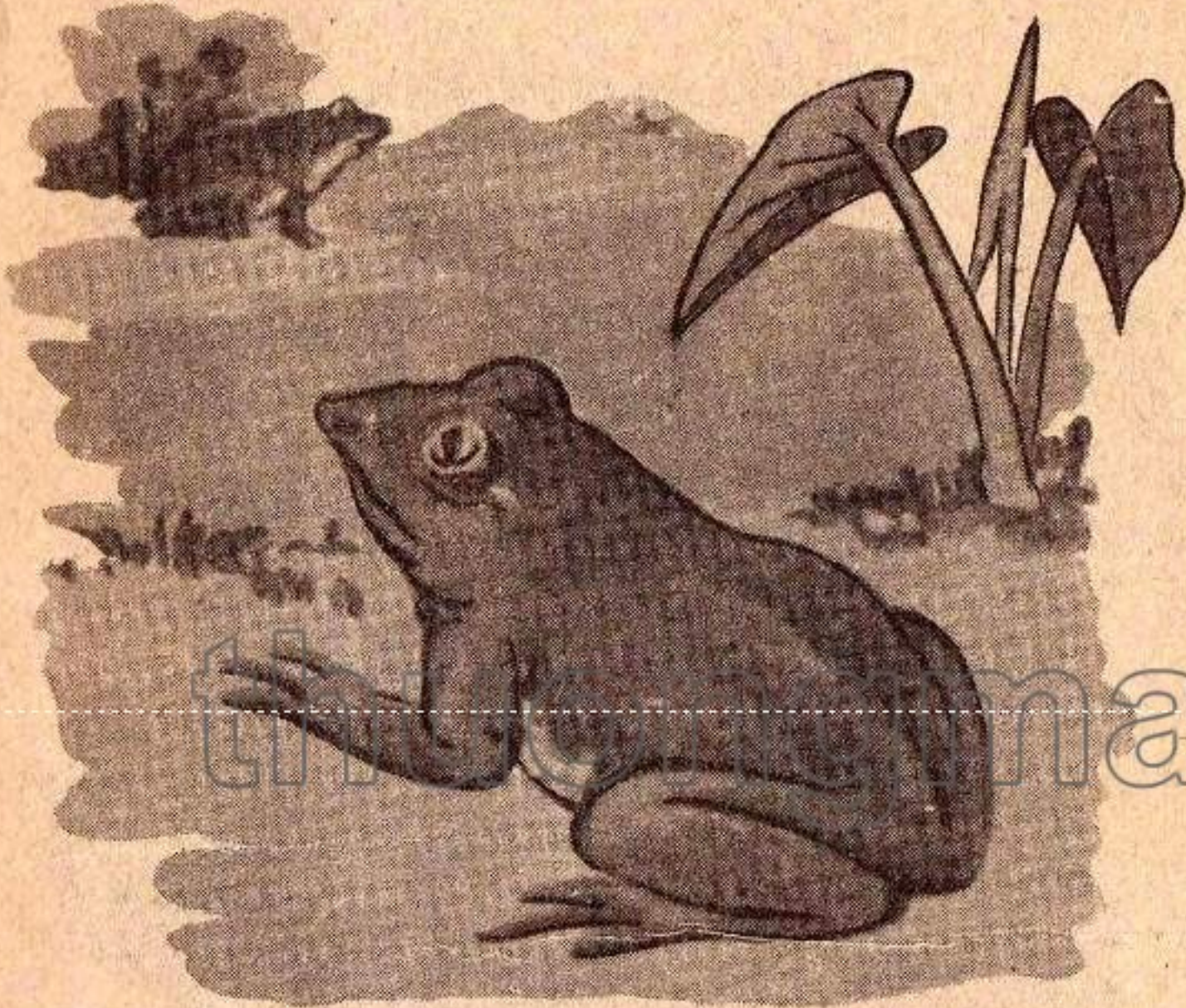
ach - sách ich - mịch



mịch có sách học văn. mịch
lấy giấy bọc để giữ sách cho sạch.

nhà gạch - lịch treo

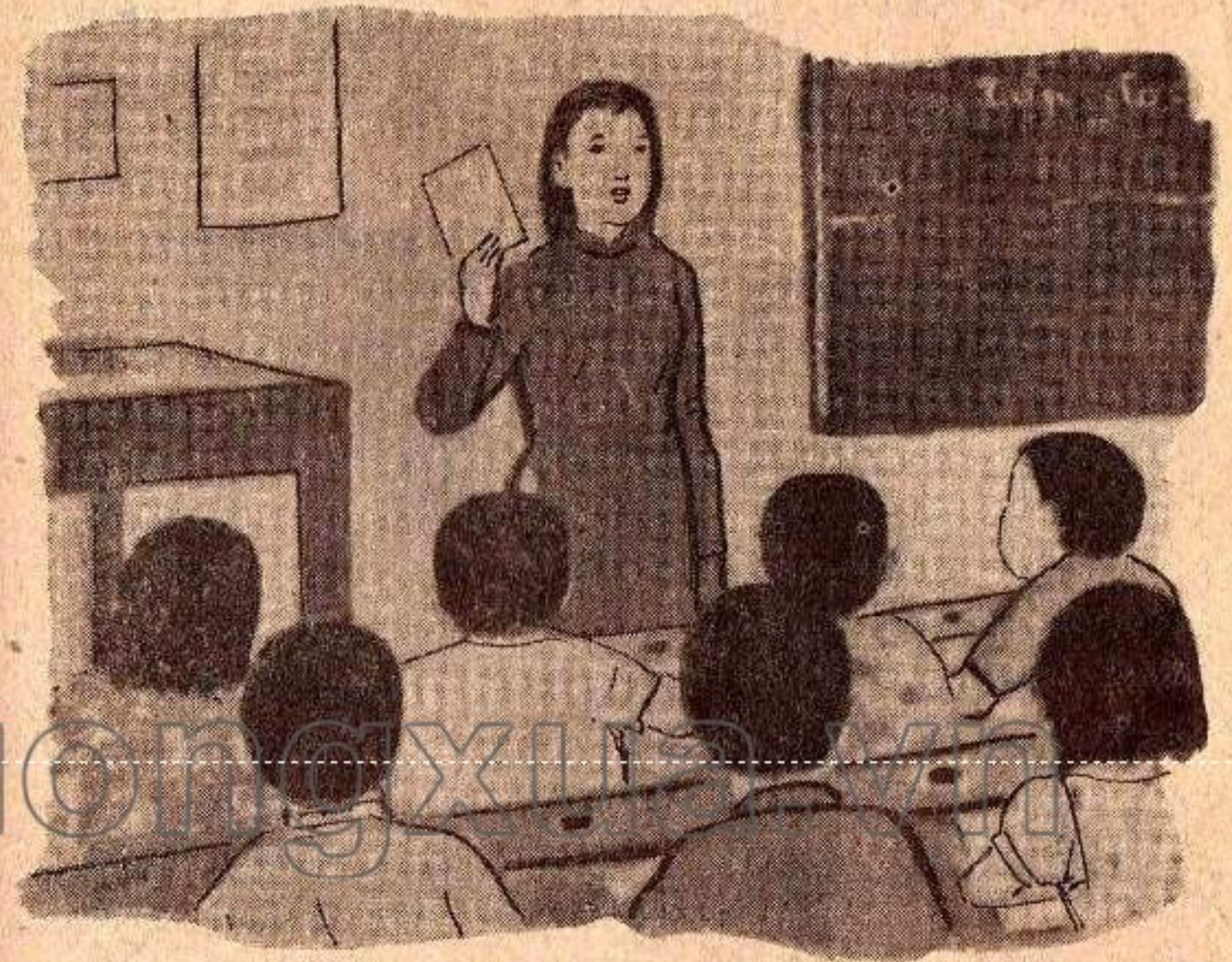
êch – ếch



ếch nhái đều có ích. ếch nhái
ăn sâu bọ để bảo vệ mùa màng.

xộc xệch – chênh lệch

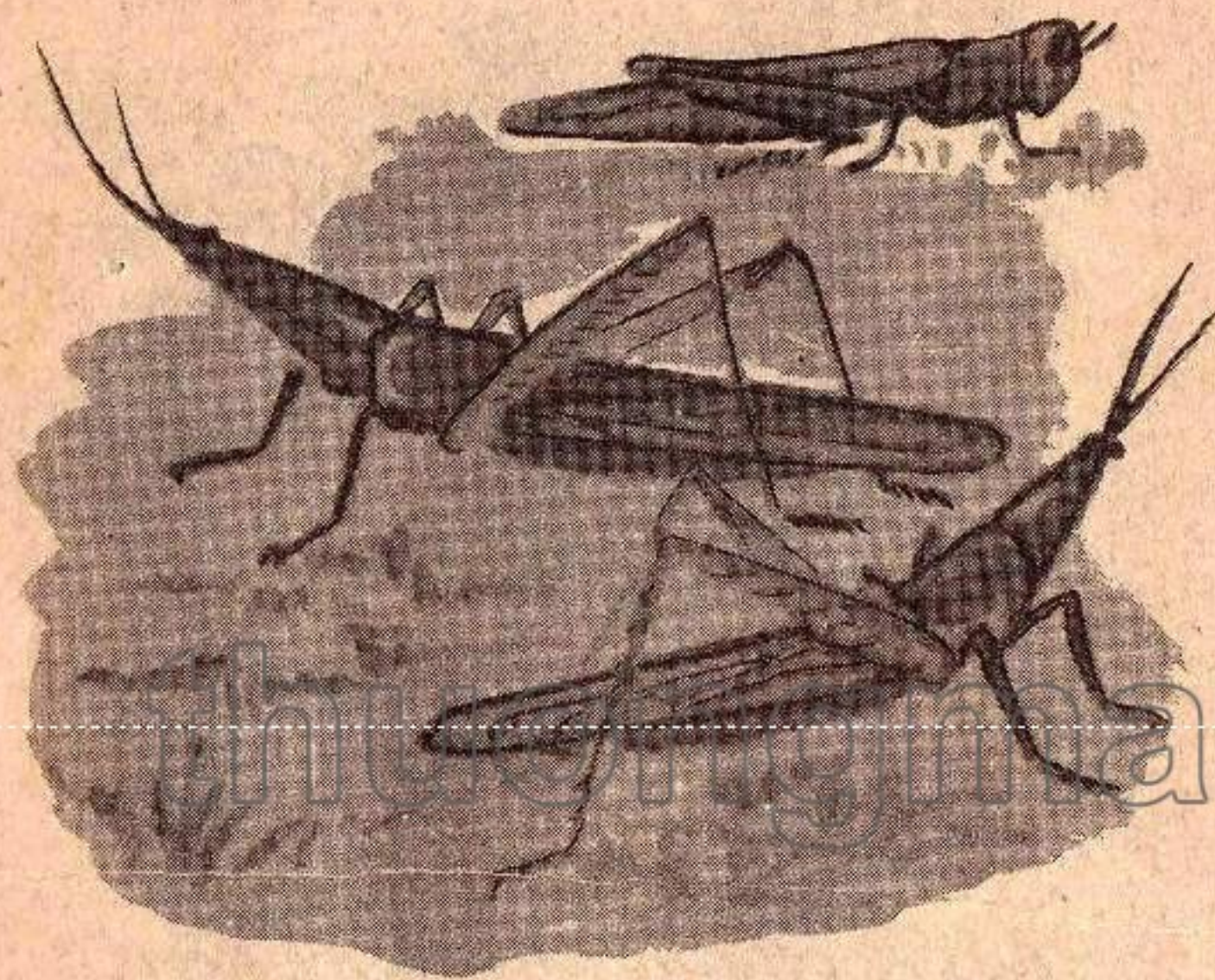
yêu-iêu-chiều



em yêu cô giáo
chăm chỉ sớm chiều,
dạy bảo mọi điều
cho em khôn lớn.

thả diều – kính yêu

uôm - nhuộm



cào cào giã gạo cho nhanh,
mẹ nhuộm áo đỏ áo xanh
cho cào.

nhuộm áo - cánh bướm

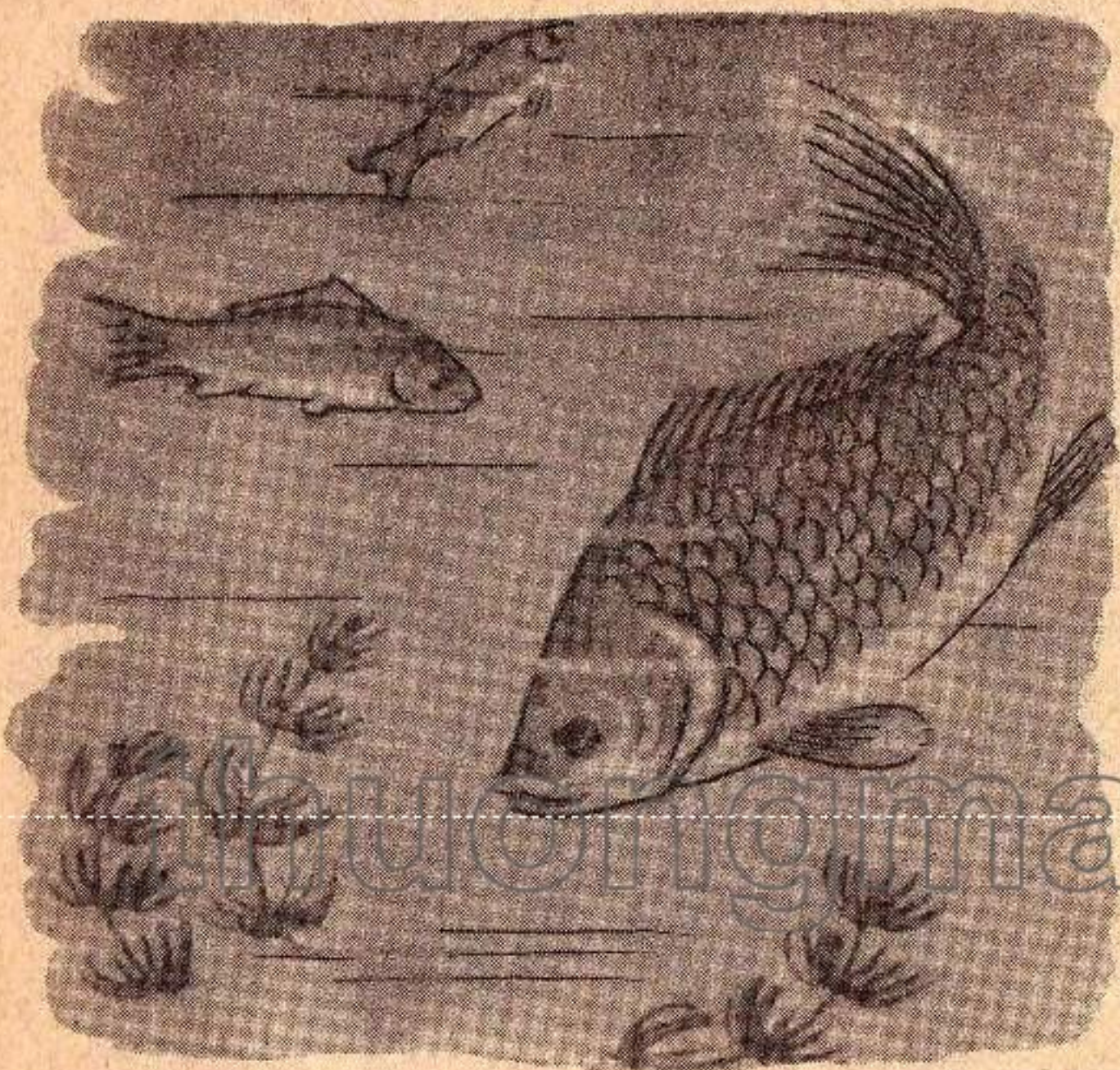
ươm - bướm



bím bím xanh biếc
bò trên bờ rào,
bướm vàng đến chào
rung rinh bóng tím.

ươm lúa - bướm bướm

uôi - đuôi ươi - dưới



cá ở dưới nước,
mình cá có vẩy,
cá lội bằng vây,
cá lái bằng đuôi.

ruồi - muỗi - bướm - tằm

oai oan uôn ươn

uôm ươm uôi ươi

chị chuồn chuồn bay lượn
ngoài vườn chuối.

mình chị nhuộm toàn màu
đỏ thắm.

chị bướm bướm đậu trên hoa
bưởi. đôi cánh chị xòe ra
như hai cánh bướm màu
vàng tươi.

at - hạt

ắt - gặt



*bước sang tháng mười,
lúa chín vàng tươi,
vừa gặt vừa hát,
vui quá là vui.*

mát mẻ - rửa mặt

ât - mất



tư lượm được túi tiền, tư đưa
cô giáo trả lại người mất,
cô giáo khen tư thật thà.

chủ nhật - trật tự

et - quét êt - hết



sáng nào em cũng quét nhà.
em quét sạch hết rác,
bà khen em giỏi lắm.

nét chữ - nét người

it - vịt ip - nhíp



kia hai chú vịt con
rủ nhau cùng ra vườn,
ca vang vịt vịt vịt,
vừa hát vừa đánh nhíp.

mít chín - đuối kịp

at ăt ât

et êt it ip

ong mặt bảo ong sắt:
gió rét đã hết rồi,
hoa nở ngát mùi đời,
bướm nhện cánh đi chơi,
chim trên cành riu rít,
còn tôi đi lấy mật
để dành cho mùa sau.

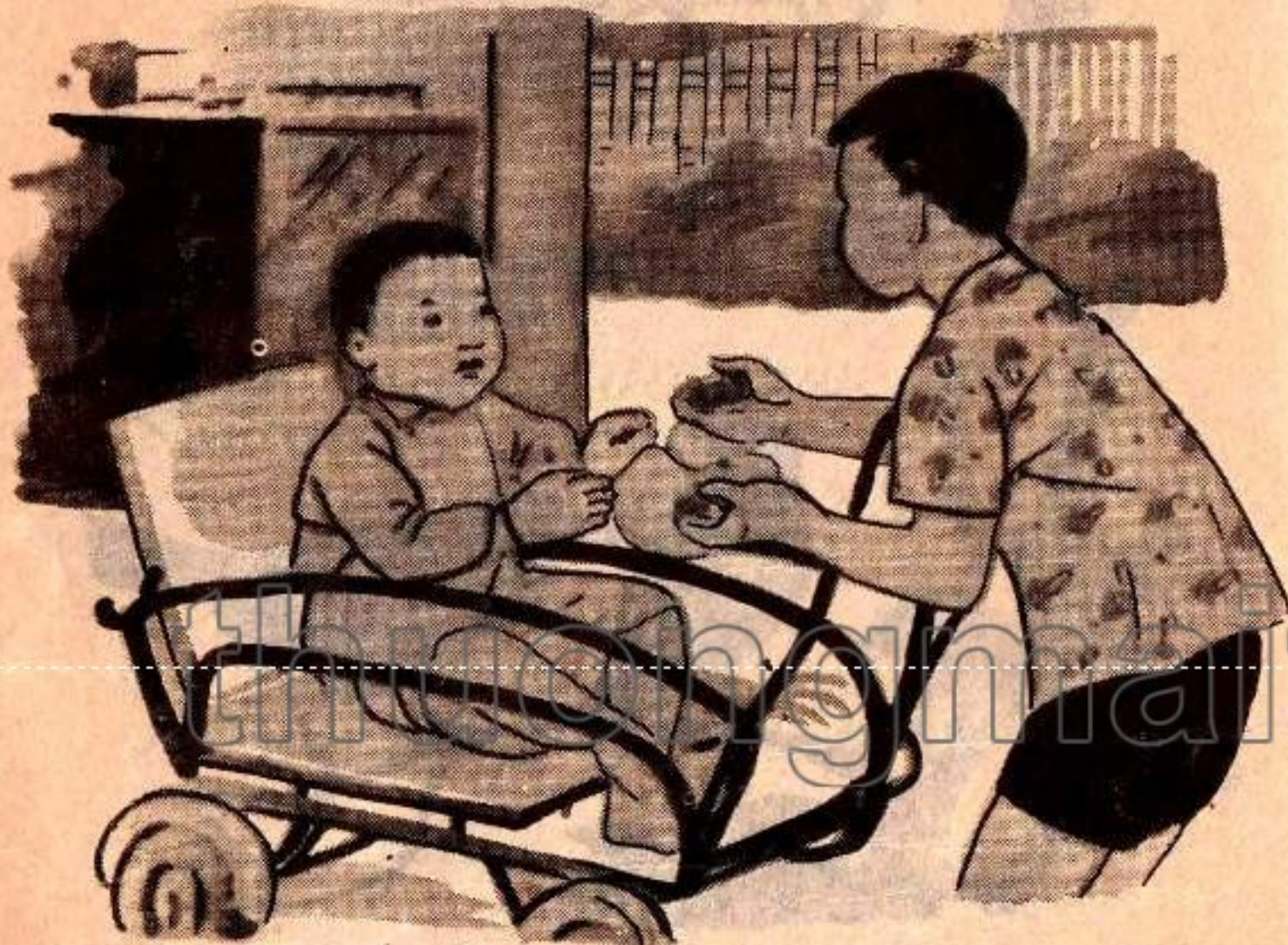
ot - chót vót



cây cao chót vót
có bầy chim xanh,
nhảy nhót trên cành
thi đua cùng hót.

con mọt - gọt khoai

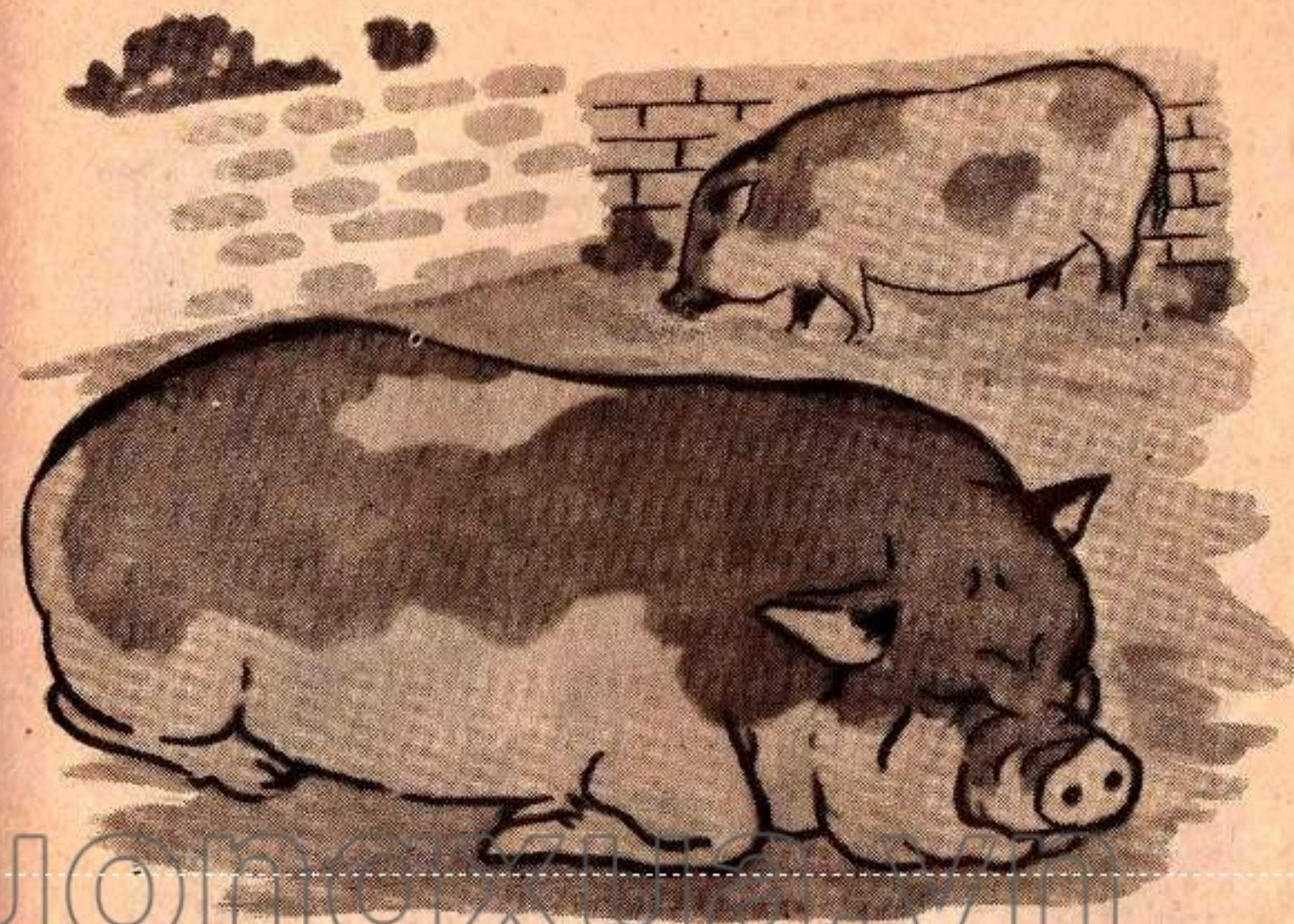
ôt - một ơ - bớt



tư được chị cho một gói bánh ngọt.
tư bớt một phần cho em.

bột mì - cái thớt

ut - ụt ịt ưt - mứt



bạn miết đồ bạn ụt:

con gì ăn no,
bụng to mắt híp,
mồm kêu ụt ịt,
nằm thở phì phò?

ngồi bút - chửi nứt nẻ

ap - đập



chú kim đua xe đập,
chú đập giỏi lắm,
chú luôn luôn dẫn đầu,
hoan hô chú kim.

sáp ong - rập hát

ấp - khắp âp - rập



chú kim đưa tư đi thăm thành phố.
khắp nơi tư thấy nhà ngói san sát,
ngoài phố người và xe đi lại
rầm rập.

bấp cải - ấp bắc

ot ôt ơt

ut ưt ap ăp âp

ngày nào út cũng tập thể dục
và tập đi xe đạp cho bắp chân
được nở nang.
má khen út và cho út
hai gói mít.
út ăn mít thấy ngọt quá,
út lột một gói cho bạn.

ep-đẹp êp-xếp



hà nội có hồ gươm, có tháp rùa.
ngày hội, xung quanh hồ treo đèn
xếp, đèn sao, đèn lồng đẹp lắm.

lễ phép-chép bài-xếp áo

op-hộp ơp-lớp



*lớp em bè bạn rất đông,
cùng nhau sum họp như trong một nhà
cùng nhau nhảy múa hát ca,
cùng nhau học tập thật là tươi vui.*

hộp tổ-lớp nhà-sấm chớp

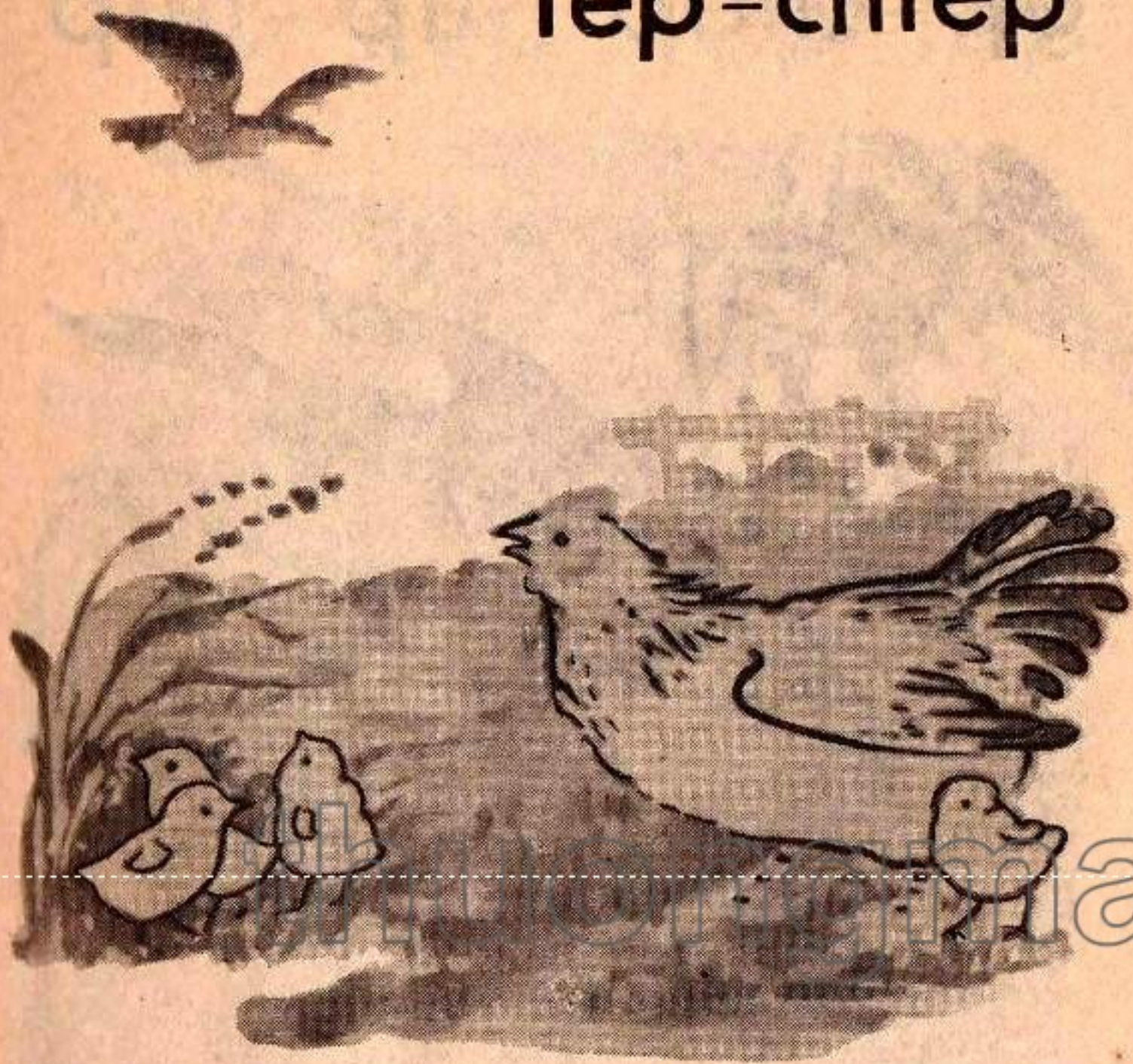
ôp-chộp up-hụp



*kìa chú ếch con
có hai mắt tròn,
chú kêu ộp ộp,
chú nhảy chồm chộp,
chú hụp dưới ao.*

hộp phấn-chụp ảnh-búp bê

iêp-chiép



*gà con kêu chiép chiép
theo mẹ đi tìm mồi,
thấy con quạ trên trời
cũng kêu lên chiép chiép.*

tấm liếp-tiếp khách-thiếp mời

iết-khiết



giờ lao động, chúng em nhổ cỏ
tưới cây rất hăng hái. tổ bạn
khiết làm giỏi nhất, được cô
giáo khen.

phan thiết-tập viết-liệt sĩ

ep êp op ôp

ơp up iêp iêt

trong giờ tập viết và tập chép,
em nắn nót viết thật đẹp,
trước khi học lớp em xếp
thước bút vào hộp.
về nhà, em giúp má nấu
nước để ba má tiếp khách.

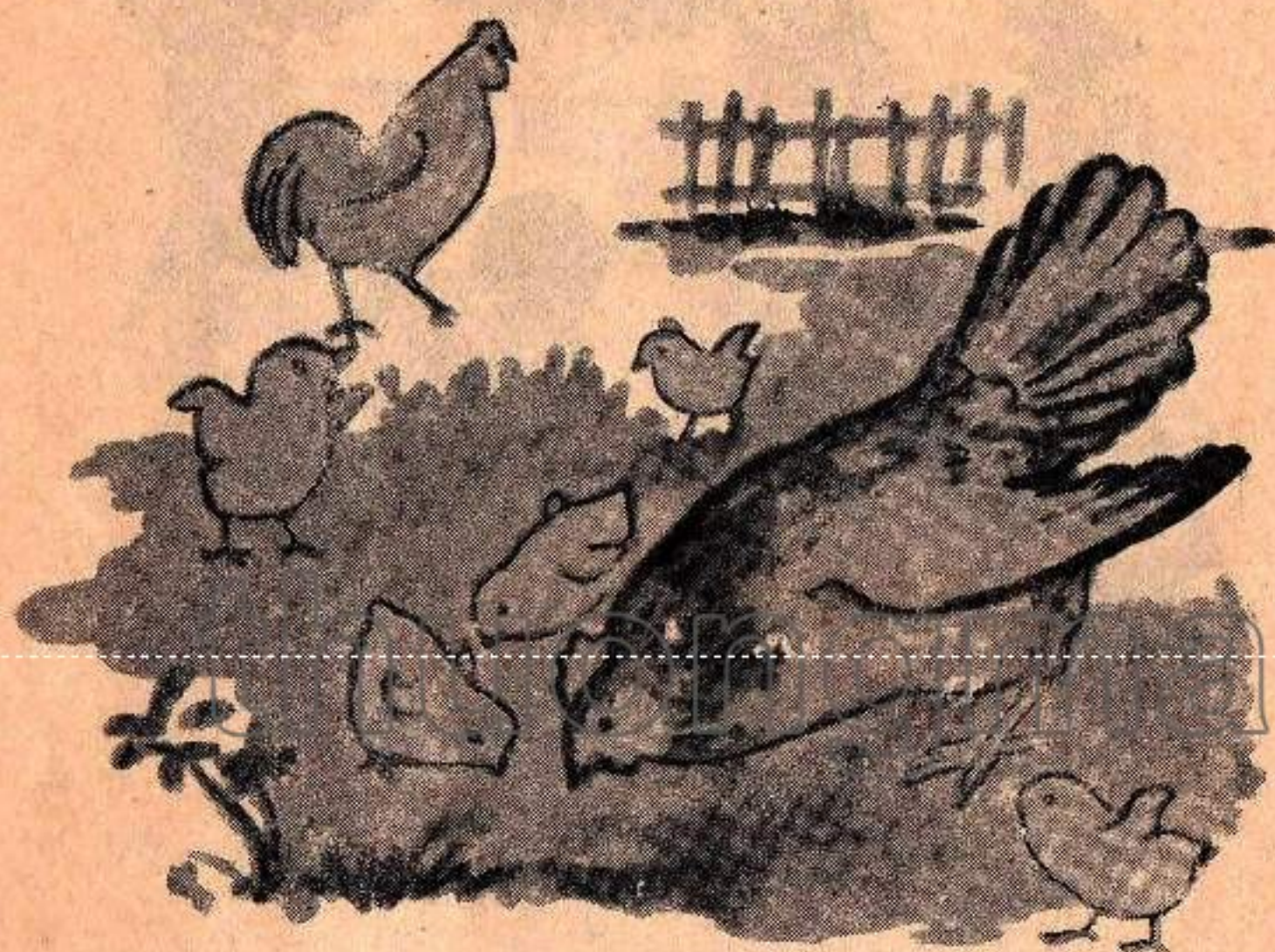
uât-xuất



coi kia tô' tuât
ra sức trồng cây,
các em hằng say
tăng gia sản xuất,
vừa làm vừa hát,
vun xới cho cây.

che khuất - kỷ luật

uôt - suốt ưọt - mướt



gà mẹ suốt ngày tìm mồi nuôi gà con. gà con ăn no, mình béo tròn, lông mượt như tơ, coi đẹp quá.

con chuột - trắng muốt - xanh mượt

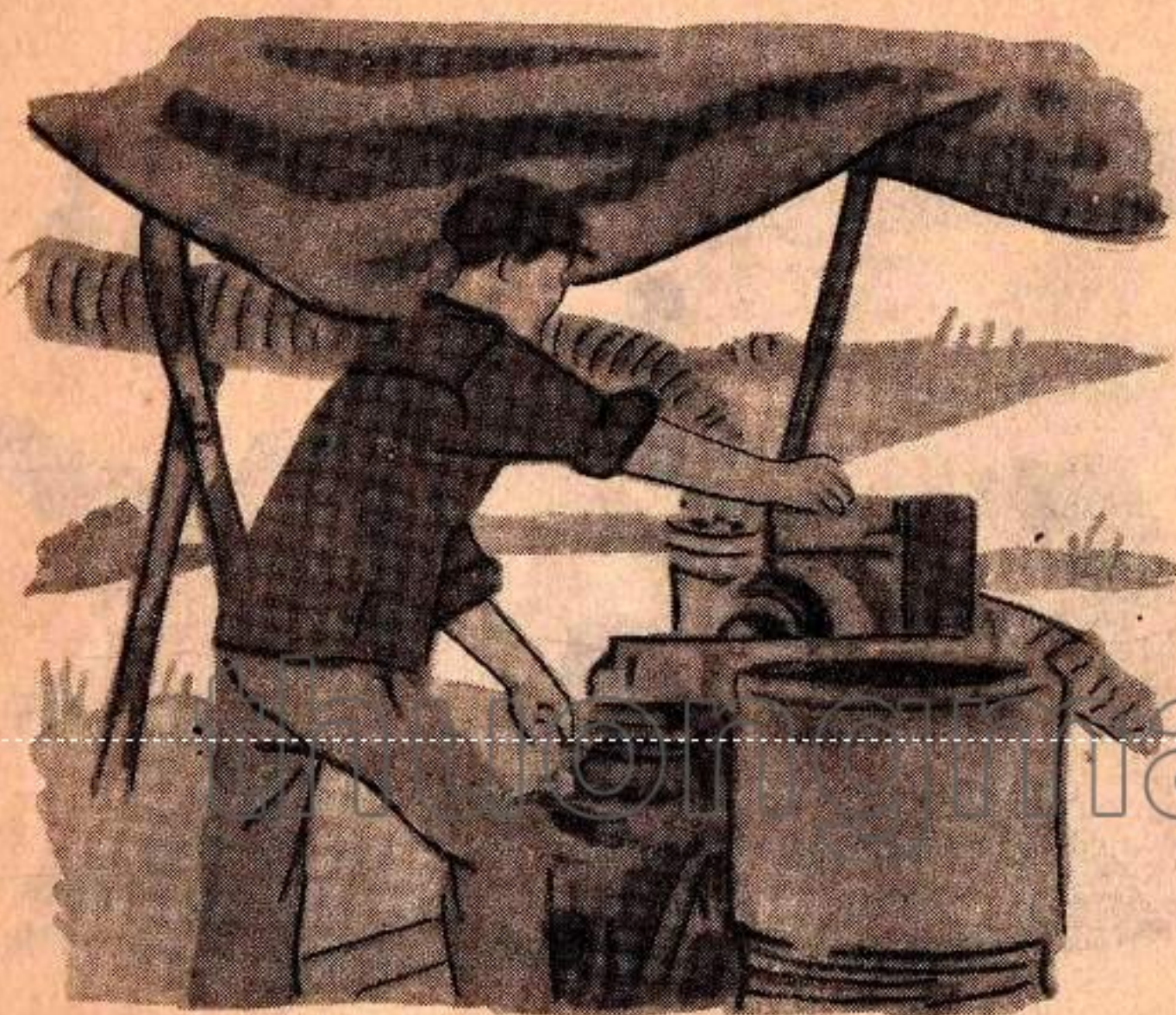
ướp - cướp



giờ chơi, tổ hiệp và tổ tuất chơi cướp cờ; tổ hiệp cướp được cờ năm lần; tổ tuất cũng cướp được cờ năm lần; thế là hòa.

ướp cá - giàn mướp - cướp cờ

uân - xuân



mẹ em làm cỏ lúa
trên cánh đồng mùa xuân,
cha em làm công nhân
bơm nước cho đồng lúa.

khuân vác-hòa thuận-tuần lễ

oang - hoàng
oăng - hoảng



cô giáo đưa chúng em đi làm vườn.
bạn hoàng và bạn hoảng làm giỏi
nhất, hai bạn được cả lớp hoan hô.

trang hoàng - nói liến thoắng

uât uôt ưôt

ượp uân oang oăng

đàn gà chiến chiến
lồng miết như nhung,
rau cải mùa xuân
nuột nà xanh miết,
mướp bầu tha thướt
hoa trắng hoa vàng,
đuôi hoẵng rừng hoang
người lo sản xuất.

iêng - tiếng



tiếng gió vi vu,
tiếng chim riu rít,
tiếng gành kêu kít,
tiếng trống tùng tùng,
chúng em reo mừng
rủ nhau đi học.

giếng sâu - miếng bánh

ương - phương
uông - chuồng



mặt trời mọc ở phương đông,
mặt trời lặn ở phương tây.
khi mặt trời lặn, gà rủ nhau
lên chuồng.

buông chuối - phương hướng

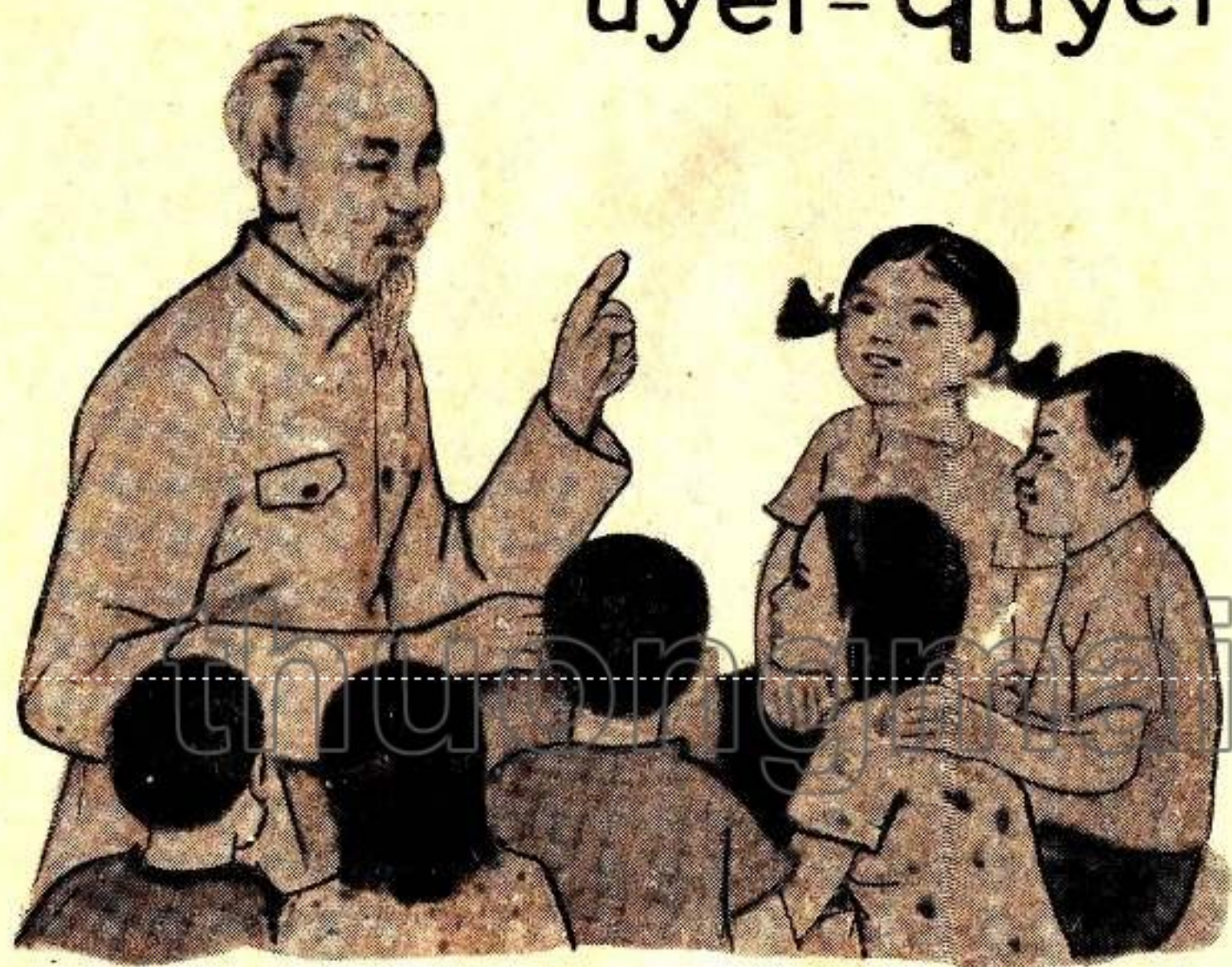
uy - huy uya - khuya



chín giờ đêm, huy hãy còn ngồi
vẽ, mẹ huy nói: "con đi ngủ
đi, thức khuya có hại".

ủy ban - khuy áo - đêm khuya

B H uyên - khuyển uyêt - quyết



Bác Hồ rất thương yêu nhi đồng.
Bác khuyên các cháu chăm học,
chăm làm và đoàn kết. chúng
em quyết làm theo lời Bác dạy.

quyết tâm làm theo lời Bác Hồ khuyên

iêng ương ương uy uya uyên uyêt

đêm khuya sương xuống,
cỏ ướt sương rơi,
lờ lững nền trời
một vầng trăng khuyết.
ngiêng trên trời biếc
như chiếc thuyền trôi,
tuy đã khuya rồi
mẹ còn dọn dẹp.

chữ viết thường
chữ in thường

	h h	q q
a a	i i	r r
b b	k k	s s
c c	l l	t t
d d	m m	u u
đ đ	n n	v v
e e	o o	x x
g g	p p	y y

Chữ viết hoa và viết thường

Aa Bb Cc Dd
 Ee Ff Gg Hh
 Ii Jj Kk Ll Mm
 Nn Oo Pp Qq
 Rr Ss Tt Uu
 Vv Ww Xx Yy

A a B b C c D d

Đ đ E e G g H h

I i K k L l M m

N n O o P p Q q

R r S s T t U u

V v X x Y y

NHỮNG VĂN CHỮA HỌC

(Sẽ được tiếp tục học ở lớp trên)

- ec : lợn kêu eng éc; héc-ta.
 eng : xà beng; cái xẻng; chuông leng keng.
 oac : toạc da; nói khoác; loạc choạc.
 oam : nhai nhồm nhoàm; chó ngoàm thịt.
 oanh : oanh liệt; ngoảnh lại; khoanh tay.
 oao : mèo ngoao; nhai nghiền ngoào.
 oap : cá ngóap; sóng vỗ oàm oap vào mạn thuyền.
 oat : kiểm soát; toát mồ hôi; hoạt động.
 oay : loay hoay; ngoáy tai; ngộ ngoạy.
 oặc : hoặc; dẫu ngoặc.
 oăm : sâu hoắm; oái oăm.
 oăn : ngoăn ngoèu; xoắn ốc.
 oắt : bé loắt choắt; bước ngoặt.
 oem : lửa cháy ngoem ngoém.
 oen : cửa xoèn xoẹt; nhoẻn cười; nông choén.

oeo : đường đi ngoằn ngoèo; ngồi chéo
 khoeo; chết ngoẻo.
oet : khoét lỗ; sồ toẹt.
ooc : quần soóc; moóc-chê.
oong : chuông kính coong; cái xoong;
 boong tàu.
uâng : băng khuâng.
uây : ngoe nguầy đuôi; khuây khỏa;
 khuấy bột.
uêch : trống huếch; khuếch trương; rỗng
 tuếch.
uênh : xuênh xoàng; huênh hoang.
uơ : thuở xưa.
uych : huỳnh huỵch.
uyêt : tuyết; nguyệt; huyết mạch.
uynh : Khuynh diệp; hoa quỳnh; họ
 huỳnh.
uyt : huýt còi; suýt chết.
uyu : khuỷu tay; tiu nguỷu.
uơu : con hươu; chai rượu; con khướu.
ya : giặt gya.
yem : âu yếm; yêm hộ.
yêng : yêng hùng.
yêt : yêt thị; cương quyết.

huongmaitruongxua.v

HỌC VẤN

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIẢI PHÓNG

In 1 100 000 cuốn khổ 14,5 × 20,5 cm
tại nhà in Alpha, 235 Phạm Ngũ Lão,
quận 2 — thành phố Hồ Chí Minh.

In xong ngày 25-7-1976.

Nộp lưu chiều tháng 8-1976.

Giá : 0,40đ

<https://tieu lun.hopto.org>